ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG**

**VĂN KIỆN DỰ ÁN**

**TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM**

**(Strengthening Agricultural Higher Education of VNU-HCM in Vietnam Project)**

**AN GIANG - 03/2022**

**MỤC LỤC**

I. THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN 1

[II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN 1](#_Toc97069210)

[1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh (quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương) 1](#_Toc97069211)

[2. Mối quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình, dự án 4](#_Toc97069212)

[3. Sự cần thiết của dự án 6](#_Toc97069213)

[4. Nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật bằng vốn ODA không hoàn lại 7](#_Toc97069214)

[III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI 7](#_Toc97069215)

[1. Tính phù hợp của dự án với định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên của nhà tài trợ 7](#_Toc97069216)

[2. Lý do chọn đối tác là Đại học Quốc gia Seoul 7](#_Toc97069217)

[3. Điều kiện cung cấp vốn ODA không hoàn lại của nhà tài trợ và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam. 8](#_Toc97069218)

[IV. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN 8](#_Toc97069219)

[V. MÔ TẢ DỰ ÁN 9](#_Toc97069220)

[1. Các hợp phần, hoạt động và kết quả chủ yếu của hỗ trợ kỹ thuật 9](#_Toc97069221)

[2. Đánh giá khả năng vận dụng hỗ trợ kỹ thuật vào thực tế 1](#_Toc97069223)4

[VI. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG 1](#_Toc97069224)4

[VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN 1](#_Toc97069225)5

[1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước 1](#_Toc97069226)5

[2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án năm đầu tiên 1](#_Toc97069227)7

[3. Kế hoạch giám sát và đánh giá dự án 20](#_Toc97069228)

[3.1. Giám sát quá trình thực hiện 20](#_Toc97069229)

[3.2. Đánh giá dự án](#_Toc97069230) 20

3.3 Giám sát chi tiêu ngân sách 21

3.4. Chế độ báo cáo 22

VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN 26

1. Hình thức tổ chức 26

2 Cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia dự án 28

3. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện dự án của chủ dự án 34

IX. TỔNG VỐN DỰ ÁN 35

1. Vốn ODA không hoàn lại 35

[2. Vốn đối ứng 3](#_Toc97069232)7

[3. Cơ chế tài chính 4](#_Toc97069233)2

[X. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI (NẾU CÓ) 4](#_Toc97069234)2

Phụ lục I 43

Phụ lục II 45

Phụ lục III 48

**DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| BQLDA | Ban Quản lý dự án |
| ĐBSCL | Đồng bằng Sông Cửu Long |
| ĐHAG | Đại học An Giang |
| ĐHQG-HCM | Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh |
| JICA | Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản |
| KOICA | Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc |
| NCKH | Nghiên cứu khoa học |
| NN-TNTN | Nông nghiệp - Tài nguyên thiên nhiên |
| NN-PTNT | Nông nghiệp - Phát triển nông thôn |
| ODA | Hỗ trợ phát triển chính thức |
| SNU | Đại học Quốc Gia Seoul |
| SNU-CALS | Khoa Nông nghiệp và Khoa học Đời sống – Đại học Quốc Gia Seoul (Seoul National University-College of Agriculture and Life Sciences) |

**DANH SÁCH BẢNG**

[Bảng 1:](#_41mghml)  Các nội dung thực hiện của 04 học phần trong dự án  [1](#_41mghml)1

[Bảng 2: Kế hoạch tổng thể các hoạt động của dự án 1](#_2grqrue)7

[Bảng 3: Kế hoạch các hoạt động năm I (2021)](#_vx1227) [1](#_vx1227)9

[Bảng 4: Kế hoạch giám sát các hoạt động của dự án 2](#_3fwokq0)3

[Bảng 5: Cơ chế phối hợp giữa nhà tài trợ, cơ quan chủ quản và chủ dự án](#_1v1yuxt)   30

Bảng 6: Vốn ODA dự kiến chi cho các hoạt động của dự án 36

Bảng 7. Dự trù vốn đối ứng bằng tiền mặt 38

Bảng 8. Chi tiết dự trù vốn đối ứng bằng tiền mặt 39

**DANH SÁCH HÌNH**

Hình 1: Mô hình quản lý dự án tổng quát 28

**I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN**

**1. Tên dự án:**

Tiếng Việt: Dự án Tăng cường giáo dục đại học lĩnh vực nông nghiệp tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tiếng Anh: Strengthening Agricultural Higher Education of VNU-HCM in Vietnam Project

**2.** **Cơ quan chủ quản:** ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM (ĐHQG-HCM)

Địa chỉ liên lạc: Linh Trung, Thủ Đức, TP.HCM

Số điện thoại/Fax: 028.37242181

**Đơn vị đề xuất và Chủ dự án**: TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG

Địa chỉ liên lạc: Số 18, Ung Văn Khiêm, Đông Xuyên, Long Xuyên, An Giang, Việt Nam

Số điện thoại: 0296.6256565 Fax: 0296.3842560

**3.** **Nhà tài trợ:** CƠ QUAN HỢP TÁC QUỐC TẾ HÀN QUỐC (KOICA)

**4.** **Thời gian dự kiến thực hiện dự án:** 7 năm (84 tháng) bao gồm thời gian chuẩn bị Văn kiện.

**5.** **Địa điểm thực hiện dự án:** Trường Đại học An Giang - Đại học Quốc TP.HCM

# II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

## Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh (quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương)

Dự án được thực hiện vào những căn cứ pháp lý sau đây:

*Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính Phủ về Đại học Quốc Gia;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;*

*Căn cứ Quyết định số 1250/QĐ-ĐHAG ngày 09/06/2017 của Trường Đại học An Giang về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học An Giang;*

*Căn cứ Biên bản thảo luận giữa Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc ngày 24/6/2021 về dự án “Tăng cường giáo dục đại học lĩnh vực nông nghiệp tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam”.*

*Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ: Về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;*

*Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý sử dụng máy móc thiết bị của cơ quan Nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;*

*Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;*

*Căn cứ Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 4/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1394/QĐ-ĐHQG ngày 31/10/2019 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc phân cấp thẩm quyền quyết định về việc sử dụng vốn nhà nước để thực hiện dự án đầu tư xây dựng; sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất; mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên tại các đơn vị thành viên và trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ chí Minh;*

*Căn cứ Thông tư 219/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính Quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/chương trình sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).*

Những năm vừa qua Việt Nam đã tiến hành Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 để thay đổi hệ thống bằng cách kết hợp năng lực cạnh tranh toàn cầu dựa trên tri thức và tăng cường năng lực. Mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế xã hội Việt Nam hướng tới là GDP bình quân đầu người đạt mức 3.200 USD vào năm 2020 và định hướng kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và mở rộng cơ sở hạ tầng là những mục tiêu của chính sách. Trong lĩnh vực giáo dục, Việt Nam đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bồi dưỡng nguồn nhân lực trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển, đào tạo kỹ sư lành nghề và phát triển nguồn nhân lực tiên tiến, cũng như bồi dưỡng nhân tài toàn cầu ở cấp độ quản lý. Để hiện thực hóa mục tiêu này, Chính phủ Việt Nam đã thông qua “Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2030” theo Quyết định số 89/QĐ-TTg ban hành ngày 18/01/2019.

Theo đó, đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học được bồi dưỡng để bảo đảm về chất lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển khoa học, công nghệ cho đất nước, gắn với yêu cầu khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Trên cơ sở đó, các đề án đều tập trung đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ cho các giảng viên và thu hút các giảng viên và nhà khoa học nước ngoài đến làm việc tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam. Với các nội dung này thì Dự án hoàn toàn phù hợp các chính sách của Việt Nam.

Cùng với lĩnh vực giáo dục, từ năm 2008, chương trình mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững “Tam nông” được triển khai theo Nghị quyết Trung ương 7 khoá X (NQTW7) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã tạo ra nhiều đổi mới về cơ chế, chính sách. Đây là một chính sách nhằm đạt được sản lượng cao trong lĩnh vực nông nghiệp, cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân ở khu vực nông thôn và đảm bảo sử dụng hiệu quả và bảo vệ môi trường tự nhiên. Trên cơ sở đó, Thủ tướng đã ban hành Quyết định số [339/QĐ-TTg](https://luatminhkhue.vn/quyet-dinh-339-qd-ttg-nam-2013-phe-duyet-de-an-tong-the-tai-co-cau-kinh-te-gan-voi-chuyen-doi-mo-hinh-tang-truong-theo-huong-nang-cao-chat-luong--hieu-qua-va-nang-luc-canh-tranh-giai-doan-2013-2020-do.aspx) ngày 19/02/2013 phê duyệt “Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020” và Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/06/2013 phê duyệt “Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” qua đó cũng nhấn mạnh yêu cầu đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực phù hợp tình hình mới là một trong những giải pháp quan trọng.

Để thực hiện chính sách hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp hiện đại, tiên tiến, nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành nông nghiệp và đời sống của người dân nông thôn. Bên cạnh đó, việc thành lập các tổ chức phù hợp và nâng cấp cơ sở hạ tầng để đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao trong ngành nông nghiệp cần được nhấn mạnh.

Sau khi thực hiện chính sách đổi mới, Việt Nam đạt được sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng và trở thành một thị trường mới nổi trên toàn cầu. Theo các báo cáo gần đây, các nguồn nhân lực và tài chính quốc tế đang chuyển hướng từ Trung Quốc sang Việt Nam. Cùng với xu thế này, tốc độ tăng trưởng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam đạt 7,08% trong năm 2018, vượt mức kế hoạch năm 2017 là 6,7% và là mức cao nhất kể từ sau năm 2011. Đặc điểm tăng trưởng kinh tế của Việt Nam là có ngành công nghiệp định hướng xuất khẩu, có chức năng thu hút đầu tư vốn nước ngoài. Nông nghiệp chiếm một phần quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, đòi hỏi sự phát triển đáng kể. Hiện tại, dân số nông thôn là 65% (xấp xỉ 60 triệu) trong tổng dân số Việt Nam, và lao động nông nghiệp chiếm từ 40% đến 50% lực lượng lao động của cả nước. Tuy nhiên, để tạo điều kiện phát triển các ngành công nghiệp định hướng xuất khẩu, cần nỗ lực để thay đổi nông nghiệp của Việt Nam thành một ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao.

Để đáp ứng nhu cầu phát triển Việt Nam nói chung và khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) nói riêng, những tiến bộ về công nghệ đã và đang được áp dụng trên diện rộng trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn. Để mang lại lợi ích cho ngành nông nghiệp công nghệ cao của Việt Nam, thì định hướng sản xuất, giáo dục nông nghiệp cần được thúc đẩy. Để đạt được mục tiêu này, Chính phủ dự kiến sẽ thúc đẩy sự phát triển của các công nghệ liên quan đến nông nghiệp, tạo điều kiện cải thiện giáo dục đại học trong lĩnh vực nông nghiệp thông qua các biện pháp khác nhau để bảo đảm nguồn nhân lực và nâng cao trình độ công nghệ của đất nước.

Để khẳng định uy tín và thu hút người học, nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục đại học là phải khẳng định được chất lượng đào tạo. Trước đây, phần lớn các trường đại học chưa thật sự chú ý đến những điều kiện bảo đảm chất lượng cũng như kết quả sản phẩm đầu ra là chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, yêu cầu về chất lượng nhân lực trong xu thế hội nhập hiện nay đòi hỏi các trường đại học cần có sự chuẩn hóa, đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu xã hội. Dự án này được kỳ vọng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực nông nghiệp và thúc đẩy sự chuyển đổi trong thị trường nhân lực chất lượng cao tại Việt Nam. Nguồn nhân lực này sẽ đủ trình độ và kỹ năng, không chỉ đáp ứng được thị trường lao động trong nước mà cả trên thị trường khu vực và quốc tế. Đồng thời sự thành công của Dự án sẽ hỗ trợ Trường ĐHAG trong sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp theo định hướng công nghệ cao cho khu vực ĐBSCL, tiến tới sự phát triển lâu dài của nông nghiệp Việt Nam.

## 2. Mối quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình, dự án

ĐHQG-HCM nói chung và Trường ĐHAG nói riêng đã và đang triển khai những chương trình, dự án nhằm từng bước nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH), các dự án hướng tới phục vụ cộng đồng. Dự án tăng cường giáo dục đại học về lĩnh vực nông nghiệp tại ĐHQG-HCM là sự nối tiếp các chương trình, dự án về nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, giảng viên của ĐHQG-HCM, đồng thời của Trường ĐHAG đã được thực hiện trước đó, cụ thể như:

- Dự án “Nghiên cứu xử lý chất thải trong môi trường thủy sản, chuyển đổi thành năng lượng điện thông qua pin nhiên liệu rắn thế hệ mới- góp phần phát triển bền vững vùng ĐBSCL” do JICA tài trợ.

- Dự án “Mạng lưới phát triển giáo dục kỹ thuật các trường đại học Đông Nam Á do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản tài trợ (2018-2023).

- Các dự án về đào tạo và NCKH được tài trợ từ chương trình Erasmus plus như dự án “Phát triển hệ thống học phần về năng lượng tái tạo theo chuẩn Châu Âu (2016-2018)”, dự án Hợp tác học thuật hướng tới đổi mới quản lý giáo dục đại học (2016-2018), dự án “Nâng cao năng lực nghiên cứu và đổi mới về biến đổi khí hậu” (2016-2019).

- Dự án Tăng cường năng lực đào tạo và nghiên cứu của ĐHQG-HCM (dự án vốn vay của Ngân hàng Thế giới) (thực hiện từ 2007-2012). Mục tiêu chính của dự án là nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu của ĐHQG-HCM nhằm đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

- Dự án Tăng cường năng lực giảng dạy và nghiên cứu của Trường ĐHAG trong thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Đây là dự án của quỹ Đổi mới Đào tạo và Nghiên cứu (Teaching Research Innovation Grant, TRIG), do Ngân hàng Thế giới và Bộ Giáo dục và Đào tạo tài trợ, được thực hiện trong giai đoạn 2012-2016 với kinh phí 1.115.000 USD. Nội dung dự án được thiết lập với 3 hợp phần theo thứ tự ưu tiên theo Chiến lược phát triển Trường ĐHAG đến năm 2020 tập trung vào việc nâng cao trình độ giảng dạy và nghiên cứu của cán bộ, giảng viên các chuyên ngành nông nghiệp, kỹ thuật môi trường và hỗ trợ thêm trang thiết bị cho việc nghiên cứu phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội vùng. Mục tiêu của chương trình là nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên Trường ĐHAG, bằng việc đào tạo trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ tập trung vào các chuyên ngành ưu tiên trong mục tiêu chiến lược của đào tạo nguồn nhân lực theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng ĐBSCL.

- Dự án Tăng cường năng lực quốc gia về nghiên cứu và sáng tạo tại Việt Nam (Strengthening National Research and Innovation Capacities in Vietnam, ENHANCE). Đây là dự án quốc tế do Erasmus+ European Union tài trợ với kinh phí 88.610 EURO, Đại học Alicante (Tây Ban Nha) là chủ dự án và một số trường đại học Việt Nam (trong đó có Trường ĐHAG) tham gia với tư cách thành viên. Mục tiêu chính của dự án là nâng cao năng lực cho hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam thông qua việc tăng cường quản lý và thực hiện hiệu quả công tác nghiên cứu và đổi mới. Trong khuôn khổ dự án này, Trường ĐHAG đã tham gia thực hiện các nội dung như: (1) Hỗ trợ tổ chức hội thảo tập huấn lần 3 về “Các thủ tục về sở hữu trí tuệ, hợp đồng khung và tiến trình phê duyệt nội bộ” cho các trường thành viên của dự án; (2) Hỗ trợ tổ chức hội thảo quốc gia lần 2 về “Chiến lược thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu” cho các trường đại học tại Việt Nam; và (3) Giới thiệu các sản phẩm nghiên cứu, ứng dụng có tiềm năng thương mại hóa, lồng ghép vào hai hoạt động trên.

Ngoài các dự án trên, Khoa Nông nghiệp - Tài nguyên thiên nhiên (NN-TNTN) thuộc Trường ĐHAG còn thực hiện thêm một số nghiên cứu làm nền tảng cho việc tiếp cận và thực hiện các hoạt động của dự án KOICA như:

- Dự án MEKARN (Research Cooperation for Livestock-based Sustainable Farming Systems in the Lower Mekong Basin), đây là dự án khu vực do tổ chức SIDA (Thụy Điển) tài trợ nhằm mục tiêu phát triển nguồn nhân lực và đào tạo các nước khu vực hạ lưu sông Mekong (Việt Nam, Lào, Thái Lan và Cam-pu-chia). Trong khuôn khổ dự án này, Trường ĐHAG tham gia với vai trò là thành viên của dự án, từ năm 2003. Trường ĐHAG tham gia qua 2 giai đoạn (MEKARN I và MEKARN II) từ năm 2003 đến 2018, chủ yếu tập trung đào tạo nguồn nhân lực cho 2 ngành Chăn nuôi và Thuỷ sản qua phương thức đào tạo dài hạn nguồn nhân lực chuyên ngành (tiến sĩ và thạc sĩ) và phát triển năng lực nghiên cứu thông qua tài trợ cho các dự án nghiên cứu nhỏ và tài trợ thiết bị nghiên cứu (4.000-10.000 USD/dự án). Tổng kinh phí 2 giai đoạn khoảng 100.000 USD; không bao gồm kinh phí đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ tại Thụy Điển. Dự án đã đào tạo được 5 tiến sĩ và 5 thạc sĩ các chuyên ngành Chăn nuôi và Thủy sản, thực hiện 16 NCKH vừa và nhỏ liên quan đến hệ thống vật nuôi và môi trường.

- Dự án thí điểm về cải tạo đất và nâng cao thu nhập của người nông dân ở tỉnh An Giang, Việt Nam, dự án do JICA tài trợ được thực hiện tại Trường ĐHAG trong hai năm, từ 2017- 2019. Dự án được thực hiện bởi sự hợp tác giữa Trường Đại học Saga và Trường ĐHAG, đơn vị phối hợp là Trung tâm Công nghệ Sinh học tỉnh An Giang. Kinh phí dự án được tổ chức JICA tài trợ chính với kinh phí 100.000 USD. Mục tiêu của dự án là cải tạo đất trồng lúa ba vụ và đất nhiễm mặn để tăng thu nhập cho nông dân tỉnh An Giang. Dự án đã giúp cho nông dân và cán bộ địa phương hiểu biết thêm kỹ thuật mới và góp phần đa dạng giống cây trồng mới phục vụ cho mục đích cải tạo đất thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu như xâm nhập mặn, giúp nông dân cải thiện thu nhập trong tương lai.

- Dự án Nâng cao nhận thức và năng lực của nông dân trồng lúa trong hạn chế sử dụng thuốc trừ sâu ở tỉnh An Giang. Dự án được hỗ trợ kinh phí từ Oxfam-Hà Lan với tổng kinh phí 19.900 EURO, thực hiện trong năm 2017 với hình thức hợp tác là phục vụ cộng đồng. Nội dung của dự án là thí điểm mô hình và hoạt động hội thảo cho đối tượng là nông dân trồng lúa tỉnh An Giang nhằm nâng cao nhận thức trong việc hạn chế sử dụng thuốc hóa học trong canh tác, bảo vệ nguồn thiên địch tự nhiên và hướng đến sản xuất nông nghiệp sạch, bền vững.

Ngoài ra Khoa NN-TNTN còn hợp tác với chính quyền địa phương với chủ đề “Kiện toàn, phát triển nguồn nhân lực ngành NN-PTNT giai đoạn 2018-2020” nhằm kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách nhiệm vụ nông nghiệp ở các cấp tỉnh, huyện, xã, xây dựng mạng lưới tri thức nông nghiệp nòng cốt ở từng địa bàn giữ vai trò đầu tàu, đủ sức nắm bắt, vận dụng khoa học và công nghệ tạo động lực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn hiệu quả và bền vững.

Trên đây là một số dự án mà ĐHQG-HCM, Trường ĐHAG và Khoa NN-TNTN đã được tài trợ thực hiện trong thời gian qua. Đây là những dự án mang ý nghĩa tích cực có liên quan đến phát triển toàn diện và bền vững chất lượng giáo dục của ĐHQG-HCM để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững. Dự án mới được phê duyệt vừa mang tính kế thừa, phát triển nền tảng sẵn có từ các chương trình, dự án trước về tăng cường giáo dục đại học ngành nông nghiệp tại Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM vừa khẳng định năng lực của đội ngũ cán bộ của Trường trong việc nghiên cứu và thực hiện dự án quốc tế.

## 3. Sự cần thiết của dự án

ĐBSCL là một vùng sản xuất lương thực chính, các sản phẩm lúa, ngô, sắn và mía được canh tác trong khu vực này rất quan trọng trong nền nông nghiệp Việt Nam. Do đó, sự phát triển nông nghiệp khu vực ĐBSCL là cốt lõi của sự phát triển nông nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên, trình độ nguồn nhân lực của các trường đại học nông nghiệp ở khu vực này chưa thật sự tương xứng với nhu cầu phát triển của khu vực. Trường ĐHAG là trường đại học công lập thứ hai của khu vực Tây Nam Bộ, được thành lập vào năm 1999 nhằm thực hiện vai trò giáo dục của khu vực, cụ thể là trong lĩnh vực nông nghiệp. Trường hướng tới trở thành trung tâm đào tạo trình độ đại học và sau đại học đa ngành, đa lĩnh vực, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ phục vụ cộng đồng được quốc tế công nhận.

Năm 2019, Trường ĐHAG trở thành thành viên của ĐHQG-HCM, thiết lập nền tảng cho nghiên cứu và giáo dục chất lượng cao ở khu vực ĐBSCL. Theo đó, Trường ĐHAG rất cần được hỗ trợ nâng cao năng lực giảng dạy và NCKH để đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở cho khu vực ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung. Đặc biệt, đối với sự phát triển lâu dài của nông nghiệp Việt Nam, việc phát triển đội ngũ nghiên cứu tiên tiến là điều cần thiết cho quá trình chuyển đổi từ nông nghiệp định hướng sản xuất sang xuất khẩu và nông nghiệp theo định hướng công nghệ cao.

Với mục tiêu phát triển chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH của khu vực ĐBSCL và quốc gia, Trường ĐHAG có tiềm năng phù hợp như một tổ chức giáo dục và nghiên cứu lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao. Hiện tại, Trường ĐHAG - ĐHQG-HCM có các chuyên ngành Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Nuôi trồng thủy sản, Phát triển nông thôn, Công nghệ sinh học và Công nghệ thực phẩm. Đây là các ngành công nghiệp chính trong chuỗi giá trị nông sản thực phẩm ở Việt Nam.

Tuy nhiên, hiện tại số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ chỉ chiếm 14,2% tổng số giảng viên cơ hữu của Trường ĐHAG, từ đó đặt ra nhu cầu nâng cao trình độ, củng cố năng lực giảng dạy và nghiên cứu đội ngũ cán bộ của đơn vị. Ngoài ra, một số chương trình giảng dạy cần được tổ chức lại nhằm phục vụ mục đích đào tạo nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao. Việc đào tạo và hỗ trợ hạ tầng là cần thiết để sử dụng hiệu quả các cơ sở và thiết bị hiện tại. Năng lực hợp tác hành chính và công nghiệp - học thuật cũng cần phải được tăng cường.

Do đó, việc triển khai dự án sẽ tạo điều kiện cho Trường ĐHAG có cơ hội nâng cao năng lực đội ngũ, cải tiến các chương trình đào tạo. Thông qua dự án, Trường ĐHAG nói riêng và ĐHQG-HCM nói chung có thể mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, kết nối nghiên cứu và đào tạo với các trường đại học uy tín trên thế giới.

## 4. Nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật bằng vốn ODA không hoàn lại

Trường ĐHAG đã trải qua 20 năm xây dựng, hội nhập và phát triển, Trường luôn khẳng định được chất lượng giáo dục và đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xã hội ghi nhận, đánh giá cao. Tuy nhiên, Trường vẫn còn nhiều khó khăn do hạn chế về kinh phí, tài liệu và trang thiết bị phục vụ giảng dạy các môn học. Do đó, Trường ĐHAG đang có nhu cầu rất lớn trong việc tiếp nhận viện trợ về tài chính và thiết bị để hỗ trợ công tác nghiên cứu chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao năng lực con người để chuẩn bị thực hiện các chương trình, dự án thông qua các hoạt động như cung cấp chuyên gia trong nước và quốc tế, đào tạo, hỗ trợ một số trang thiết bị, tư liệu và tài liệu, tham quan khảo sát, hội thảo trong và ngoài nước, bảo đảm thực hiện hiệu quả mục tiêu đề ra của dự án.

ODA là nguồn vốn ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài cấp hỗ trợ Việt Nam để phát triển, đặc biệt là các lĩnh vực liên quan đến y tế, giáo dục trong điều kiện thích ứng với biến đổi khí hậu. Đối với Trường ĐHAG, sự hỗ trợ từ nguồn vốn ODA sẽ giúp cho trường có cơ hội hoàn thiện, phát triển chất lượng của đơn vị.

Đất nước Hàn Quốc là một đối tác có kinh nghiệm trong phát triển học thuật và kinh tế xã hội được định hình bởi sự cải thiện trình độ giáo dục đại học. Trong đó, Đại học Quốc gia Seoul (SNU) là trường đại học nổi tiếng, kiểu mẫu cho tất cả các trường đại học tại Hàn Quốc. Trường có nhiều kinh nghiệm trong nghiên cứu và giảng dạy, sẽ là đối tác thích hợp cho việc hợp tác chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ nghiên cứu. Trường ĐHAG là một trường đại học trong khu vực ĐBSCL đào tạo đa ngành, đặc biệt là lĩnh vực nông nghiệp đang có nhu cầu rất lớn trong việc cải tiến trang thiết bị và công nghệ để đáp ứng xu thế phát triển nông nghiệp bền vững, bảo đảm thực hiện hiệu quả mục tiêu đề ra của Dự án. Tóm lại, đây là một dự án sẽ mang lại cơ hội và điều kiện cần thiết cho việc phát triển của ĐHQG-HCM nói chung và Trường ĐHAG nói riêng trong việc nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, giảng viên nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp để phù hợp với bối cảnh phát triển chung của khu vực và tình hình chung của Việt Nam.

# III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

## 1. Tính phù hợp của dự án với định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên của nhà tài trợ

Mục tiêu của dự án nhằm phát triển toàn diện và bền vững chất lượng giáo dục của ĐHQG-HCM, cụ thể là tăng cường năng lực trong lĩnh vực nông nghiệp cho Trường ĐHAG. Dự án này dự kiến sẽ đóng góp mạnh mẽ và hiệu quả cho sự phát triển nhanh chóng và bền vững của ĐBSCL, đóng góp vào sự phát triển chung của ĐHQG-HCM, bắt kịp với các trường đại học tiên tiến trên thế giới và đóng góp cho sự phát triển của đất nước. Điều này phù hợp với mục tiêu của nhà tài trợ.

Đại học Quốc gia Seoul được thành lập năm 1946, là một trong những nơi được thụ hưởng từ chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ ở nước ngoài. Vào những năm 1960, dự án Minnesota do Hoa Kỳ đã hỗ trợ SNU-CALS nhiều chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ. Dựa vào chương trình này mà trình độ năng lực của các giảng viên đã được nâng lên, chính vì điều này mà Đại học Quốc gia Seoul muốn thực hiện dự án phát triển này như một cách đền đáp lại những gì mình đã nhận.

## 2. Lý do chọn đối tác là Đại học Quốc gia Seoul

Hàn Quốc là một đối tác có kinh nghiệm trong phát triển học thuật và kinh tế - xã hội được định hình bởi sự cải thiện trình độ giáo dục đại học. Hàn Quốc đã có sự phát triển nhanh về đào tạo đại học bằng cách thúc đẩy mạnh mẽ, nhiệt tình cho giáo dục và thực hiện các chính sách hỗ trợ của chính phủ. Điều đó đã chứng minh rằng sự cải thiện này trong giáo dục đại học góp phần không chỉ phát triển kinh tế mà còn tiến bộ học thuật. Hàn Quốc đóng một vai trò tích cực trong lĩnh vực hỗ trợ phát triển giáo dục chính thức (ODA). Vì vậy, Hàn Quốc giữ một vị trí biểu trưng là một quốc gia tài trợ chính trong lĩnh vực giáo dục và sở hữu nền tảng văn hóa và thể chế có liên quan.

Đại học Quốc gia Seoul là một trong [ba trường danh giá nhất](https://vi.wikipedia.org/wiki/SKY_(%C4%91%E1%BA%A1i_h%E1%BB%8Dc)) của Hàn Quốc với 16 học viện, 01 trường nghiên cứu và 09 trường chuyên ngành. SNU là trường đại học kiểu mẫu cho tất cả các trường đại học tại Hàn Quốc và khu vực. Hiện nay, SNU đang nắm giữ kỷ lục là trường đại học đào tạo nhiều chuyên ngành nhất tại Hàn Quốc, có mối liên kết đào tạo với gần 100 quốc gia và 156 trường đại học trên thế giới. Khoa Nông nghiệp và Khoa học đời sống (CALS) trực thuộc SNU đã và đang vận hành các chương trình đào tạo tập trung vào công nghệ nông nghiệp thực tiễn sang nghiên cứu chuyên sâu, mở rộng lĩnh vực tài nguyên nông nghiệp và tự nhiên bằng cách tạo điều kiện cho sự hội nhập với các lĩnh vực liên quan, như công nghệ sinh học, y học, hóa học, và trở thành một cộng đồng học thuật được quốc tế công nhận tập trung vào các thí nghiệm và nghiên cứu. Do đó, CALS-SNU hoàn toàn có đủ kinh nghiệm trong việc quản lý và thực hiện các dự án ODA.

Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (Korea International Cooperation Agency, KOICA) có kinh nghiệm trong hỗ trợ các dự án ở các lĩnh vực khác nhau, như giáo dục, kinh tế và nông nghiệp. Đặc biệt, liên quan đến ODA trong lĩnh vực giáo dục, KOICA đã thực hiện nhiều dự án ODA khác nhau dựa trên kinh nghiệm phát triển kinh tế và hệ thống giáo dục tiên tiến. Đây là cơ sở để bảo đảm rằng KOICA có đủ khả năng vận hành dự án một cách hiệu quả.

## 3. Điều kiện cung cấp vốn ODA không hoàn lại của nhà tài trợ và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.

Thực hiện theo các quy định cụ thể của nhà tài trợ theo quy định của thỏa thuận khung về dự án và trong quá trình thực hiện dự án. Theo các luật và quy định có hiệu lực tại Hàn Quốc và trong giới hạn kinh phí nêu tại Điều I.5 (ROD ký kết ngày 24.6.2021), KOICA sẽ thay mặt cho Chính phủ Hàn Quốc hỗ trợ cho ĐHAG, ĐHQG-HCM của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trong các hoạt động dự án trong thời gian 7 năm từ năm 2021 đến năm 2028.

# IV. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

**Mục tiêu tổng quát:** Dự án được thực hiện nhằm phát triển toàn diện chất lượng giáo dục lĩnh vực nông nghiệp và các ngành liên quan tại Trường ĐHAG, góp phần phát triển bền vững vùng ĐBSCL trong điều kiện thích ứng với biến đổi khí hậu và những thay đổi của xã hội.

**Mục tiêu cụ thể**: Dự án thực hiện với 04 mục tiêu cụ thể:

- Phát triển nguồn nhân lực trình độ tiến sĩ các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và chuyên ngành gần nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu cho khu vực ĐBSCL;

- Cải tiến và biên soạn mới chương trình đào tạo trình độ đại học, sau đại học, và xây dựng 01 trung tâm thiết bị nghiên cứu để hỗ trợ việc tiếp cận và áp dụng những công nghệ cao phục vụ đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội;

- Cải thiện năng lực trong quản lý và vận hành bộ máy hành chính tại Trường ĐHAG trực thuộc ĐHQG- HCM;

- Tăng cường hợp tác Nhà trường và Doanh nghiệp và giữa các bên liên quan nhằm tăng cường ứng dụng rộng rãi khoa học kỹ thuật vào đời sống và có hiệu quả, phù hợp nhu cầu của quá trình phát triển xã hội hiện nay.

# V. MÔ TẢ DỰ ÁN

# 1. Các hợp phần, hoạt động và kết quả chủ yếu của hỗ trợ kỹ thuật

# Dự án có 04 hợp phần chính, cụ thể như sau:

**Hợp phần I: Nâng cao năng lực cho các thành viên của Trường ĐHAG**

Hợp phần tập trung vào các hoạt động liên quan đến công tác đào tạo chuyên môn ở trình độ tiến sĩ và sau tiến sĩ. Các cán bộ có chuyên ngành thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và những chuyên ngành liên quan được cử đi đào tạo tại Khoa Nông nghiệp và Khoa học đời sống, Đại học Quốc Gia Seoul. Ngoài ra, NCKH và hội thảo cũng được tổ chức nhằm nâng cao năng lực trong nghiên cứu cho giảng viên Trường ĐHAG trực thuộc ĐHQG-HCM.

***Kết quả chủ yếu:***

Nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực nông nghiệp và những chuyên ngành có liên quan được nâng cao ở trình độ tiến sĩ (12 người), sau tiến sĩ (5 người) và năng lực nghiên cứu thông qua đào tạo tại Hàn quốc và Việt Nam (210 người); đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và xuất bản trên các tạp chí quốc tế (3 bài báo), tổ chức các hội nghị quốc tế (3 hội nghị) và trong nước (3 hội nghị).

**Hợp phần II: Cải tiến chương trình đào tạo**

Hợp phần tập trung vào các hoạt động cải tiến các chương trình đào tạo hiện đang vận hành tại Khoa NN-TNTN (Trường ĐHAG); xây dựng chương trình đào tạo mới trình độ đại học, cũng như hỗ trợ xuất bản giáo trình/tài liệu giảng dạy. Xây dựng 01 trung tâm thiết bị nghiên cứu để hỗ trợ việc tiếp cận và áp dụng những công nghệ cao trong sản xuất và vận hành nền nông nghiệp hiện đại. Thực hiện hoạt động trao đổi sinh viên giữa hai đối tác.

***Kết quả chủ yếu:***

Chương trình đào tạo ở bậc đại học/ sau đại học lĩnh vực nông nghiệp được cải tiến (4 chương trình), và biên soạn mới (1 chương trình), 01 trung tâm thiết bị nghiên cứu được thành lập để hỗ trợ quá trình đào tạo, và 14 sinh viên Hàn Quốc và 14 sinh viên Việt Nam được tham gia chương trình trao đổi sinh viên.

**Hợp phần III: Cải thiện năng lực quản lý hành chính**

Hợp phần này tập trung công tác cải tiến năng lực hành chính và thiết lập lộ trình cải thiện tổ chức hành chính tại Trường ĐHAG. Các chương trình tập huấn lãnh đạo các cấp được thực hiện để hỗ trợ mục tiêu hợp phần này.

***Kết quả chủ yếu:***

Năng lực hành chính của trường ĐH An Giang được tăng cường do hoạt động phân tích và lộ trình cải tiến tổ chức hành chính được thực hiện. Các khóa đào tạo được thực hiện tại Hàn Quốc và Việt Nam để nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo Khoa (80 người), nhân viên hành chính (80 người),và cán bộ vận hành cho quản lý phòng thí nghiệm (80 người).

**Hợp phần IV: Tăng cường hợp tác nhà trường- doanh nghiệp**

Hợp phần tập trung xây dựng, tăng cường hợp tác giữa Nhà trường và Doanh nghiệp để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ (đặc biệt với các doanh nghiệp Hàn Quốc), sao cho kết quả nghiên cứu được ứng dụng một cách rộng rãi trong thực tế.

***Kết quả chủ yếu:***

Quan hệ hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp được thiết lập thông qua việc thành lập trung tâm, ủy ban hợp tác nhà trường và doanh nghiệp, 04 MOU ký kết và các dự án hợp tác nhà trường và doanh nghiệp được ký kết (03 dự án).

Nội dung chi tiết của các hợp phần dự án được thể hiện rõ trong Bảng 1

**Bảng 1: Các nội dung thực hiện của 04 hợp phần trong dự án**

| **Hợp phần** | **Nội dung thực hiện** | **Kết quả dự kiến** | **Thời gian thực hiện** | **Đơn vị thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. Nâng cao năng lực cho các thành viên của Trường ĐHAG | 1-1. Đào tạo bằng tiến sĩ cho các giảng viên | 1-1. Tỷ lệ đạt được bằng cấp (Tiến sĩ 12 người, 90%) | 10/2022-12/2027 | Chỉ đạo: Ban Giám Hiệu  Chủ trì: Phòng TC-CT  Phối hợp:  1. Khoa NN-TNTN  2. Khoa KT-CN-MT  3. Phòng QHĐN  4. Trung tâm NC-PTNT  5. Phòng QTTB |
| 1-2. Đào tạo nghiên cứu sau tiến sĩ cho các giảng viên có trình độ tiến sĩ của ĐHQG-HCM (Trường ĐHAG) | 1-2. Tỷ lệ hoàn thành (5 người, 100%) | 01/2023-12/2025 |
| 1-3. Đào tạo ngắn hạn nhằm tăng cường khả năng nghiên cứu cho đội ngũ giảng viên ĐHQG-HCM (Trường ĐHAG). | 1-3. Kết quả dự kiến của chương trình chuyên gia nghiên cứu dành cho giảng viên  1-3 (a). Đào tạo tại Hàn Quốc (60 người, 100%)  1-3 (b). Đào tạo tại Việt Nam (150 người, 100%) | 01-06/ 2023  01-03/2024  01-06/ 2025  01-06/ 2026  01-06/ 2027  01-03/2028 |
| 1-4. Thiết lập hệ thống đồng nghiên cứu Hàn Quốc - Việt Nam | 1-4 (a). Các bài báo nghiên cứu hợp tác cho các tạp chí SCI/SSCI (3 bài báo)  1-4 (b). Hội nghị Quốc tế Hàn Quốc-Việt Nam (3 hội nghị) | 01/2025-12/2027 | Chỉ đạo: Ban Giám Hiệu  Chủ trì: Phòng QLKH-ĐTSĐH  Phối hợp:  1. Phòng QHĐN  2. Khoa NN-TNTN |
| 1-5. Tổ chức hội nghị học thuật chung thông qua hệ thống hợp tác nghiên cứu nội bộ trong thành viên ĐHQG-HCM | 1-5. Hội nghị học thuật chung giữa các thành viên ĐHQG-HCM (3 hội nghị) | 01/2026-12/2028 | Chỉ đạo: Ban Giám Hiệu  Chủ trì: Khoa KT-CN-MT  Phối hợp:  1. Phòng QHĐN  2. Khoa NN-TNTN |
| 2. Cải tiến chương trình đào tạo | 2-1. Cải tiến chương trình giảng dạy và tài liệu học tập | 2-1 (a). Chương trình giảng dạy/Hồ sơ khóa học được cải thiện (tổng số 4 chuyên ngành)  2-1 (b). Tài liệu giảng dạy (Tổng số 4 quyển) | 01/2022- 06/2023  01/2025- 09/2028 | Chỉ đạo: Ban Giám Hiệu  Chủ trì: Khoa NN-TNTN Phối hợp:  1. Phòng ĐT  2. Phòng QLKH-ĐTSĐH |
| 2-2. Thành lập các ngành đào tạo mới ở bậc đại học /sau đại học | 2-2 (a) Chương trình đào tạo và hồ sơ khóa học cho chuyên ngành đào tạo thành lập  2-2 (b) Tài liệu giảng dạy ngành đào tạo mới thành lập (1 quyển) | 07/2022 - 12/2023  07/2024- 06/2026 |
| 2-3. Phương tiện và thiết bị hỗ trợ | 2-3. Thành lập trung tâm thiết bị nghiên cứu | 07/2022- 03/2023  01/2024- 09/2026 | Chủ trì: Ban Giám Hiệu  Chủ trì: Phòng QTTB  Phối hợp: Khoa NN-TNTN |
| 2-4. Chương trình trao đổi sinh viên đại học | 2-4. Số lượng sinh viên đại học dự kiến tham gia chương trình trao đổi (14 sinh viên Hàn Quốc, 14 sinh viên Việt Nam) | 07/2022- 09/2026 | Chỉ đạo: Ban Giám Hiệu  Chủ trì: Phòng QHĐN  Phối hợp: Khoa NN-TNTN |
| 3. Cải thiện năng lực hành chính | 3-1. Tư vấn và tổ chức lại năng lực hành chính. | 3-1 (a). Kết quả phân tích và chẩn đoán năng lực công việc hành chính.  3-1 (b). Lộ trình cải tiến tổ chức hành chính | 07/2022- 06/2024 | Chỉ đạo: Ban Giám Hiệu  Chủ trì: Phòng TCCT  Phối hợp:  1. Phòng HCTH  2. Phòng QTTB  3. Khoa NN-TNTN |
| 3-2. Đào tạo để tăng cường lãnh đạo Khoa | 3-2. Số lượng chỉ tiêu của chương trình đào tạo ngắn hạn cho lãnh đạo hành chính: đào tạo tại Hàn Quốc (20 người), tại Việt Nam: (60 người) | 01-06/2023  01-06/2025  01-03/2026 |
| 3-3. Đào tạo cho nhân viên hành chính | 3-3. Số lượng chỉ tiêu của chương trình đào tạo ngắn hạn cho cán bộ hành chính của ĐHQG-HCM (Trường ĐHAG): đào tạo tại Hàn Quốc (20 người), tại Việt Nam: 60 người) | 01-06/2024  01-06/2026  01-03/2028 | Chỉ đạo: Ban Giám Hiệu  Chủ trì: Phòng TCCT  Phối hợp:  1. Phòng HCTH  2. Phòng QTTB  3. Khoa NN-TNTN |
| 3-4. Đào tạo vận hành cho quản lý phòng thí nghiệm | 3-4. Số lượng chỉ tiêu của chương trình đào tạo ngắn hạn cho cán bộ vận hành phòng thí nghiệm của ĐHQG-HCM (Trường ĐHAG): đào tạo tại Hàn (20 người), tại Việt Nam: (60 người) | 04/2027-06/2028 |
| 4. Tăng cường hợp tác nhà trường – doanh nghiệp | 4-1. Thành lập và vận hành trung tâm hợp tác Công nghiệp - Học thuật | 4-1. Tổ chức hành chính cho Trung tâm hợp tác nhà trường và doanh nghiệp | 07/2024-06/2027  06/2028 | Chỉ đạo: Ban Giám Hiệu  Chủ trì: Phòng QLKH-ĐTSĐH  Phối hợp:  1. Phòng QHĐN  2. Khoa NN-TNTN |
| 4-2. Thiết lập mạng lưới hợp tác giữa các công ty và trường đại học Hàn Quốc | 4-2 (a). Số lượng chỉ tiêu của MOU ký kết với các công ty và trường đại học Hàn Quốc (4 MOU)  4-2 (b). Xây dựng Ủy ban hợp tác nhà trường và doanh nghiệp | 07/2024-12/2027 |
| 4-3. Thúc đẩy dự án nghiên cứu chung giữa ngành công nghiệp và trường đại học để phát triển công nghệ nông nghiệp | 4-3. Số lượng chỉ tiêu dự án ký kết bởi hợp tác nhà trường và doanh nghiệp (3 dự án) | 07/2026-03/2028 |

# Đánh giá khả năng vận dụng hỗ trợ kỹ thuật vào thực tế

Dự án này được kỳ vọng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực nông nghiệp tại trường Đại học An Giang – Đại học Quốc Gia Tp.HCM. Đặc biệt là đội ngũ 12 tiến sĩ được đào tạo và 05 người được đào tạo sau tiến sĩ. Đội ngũ này sẽ hỗ trợ rất tốt cho công tác đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực và nghiên cứu chuyển giao khoa học kỹ thuật vào cuộc sống. Ngoài ra, hoạt động trao đổi học thuật giữa 02 trường SNU và AGU, tạo mạng lưới đồng nghiên cứu, thành lập bộ phận hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp tại Trường AGU sẽ là cơ hội rất tốt cho đội ngũ giảng viên của nhà trường đẩy mạnh chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ phục vụ cộng đồng, sẽ góp phần quảng bá và nâng cao hình ảnh cũng như vị thế của Trường ĐHAG với các đối tác.

Bên cạnh đó, dự án cũng nhằm mục tiêu phát triển chất lượng của chương trình đào tạo, năng lực hành chính của AGU, đầu tư trang thiết bị nghiên cứu chuyên sâu sẽ hỗ trợ rất tốt cho các giảng viên của Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM có cơ hội thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu cho các chương trình sau đại học tại SNU-CALS cũng như năng lực của đội ngũ nhân viên hành chính của Trường cũng được nâng cao và chuyên nghiệp hơn. Song song đó, việc xây dựng các chuyên ngành mới sẽ góp phần đổi mới chương trình giảng dạy, thu hút nhiều SV tham gia học tập tại Trường ĐHAG, giúp ổn định nguồn thu cũng như đóng góp vào sự phát triển của Nhà trường. Việc thành lập Hệ thống Nghiên cứu Chung Việt Nam - Hàn Quốc với mục tiêu là thực hiện và xuất bản các nghiên cứu chung dưới sự giám sát của các giáo sư của SNU-CALS sẽ giúp cho năng lực nghiên cứu của giảng viên được nâng cao. Như vậy, việc triển khai Dự án sẽ nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đóng góp có hiệu quả cho sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang và của cả khu vực ĐBSCL.

# VI. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

Đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp từ các hoạt động của Dự án dự kiến bao gồm:

**Đối tượng thụ hưởng trực tiếp**

Chính phủ hai nước Hàn Quốc và Việt Nam: đây là dự án lớn nhằm thắt chặt, củng cố, tăng cường hơn nữa mối quan hệ hợp tác song phương giữa 2 nước đã có từ lâu, góp phần đưa quan hệ hợp tác đối tác chiến lược Việt Nam - Hàn Quốc lên tầm cao mới.

ĐHQG-HCM, ĐHQG Seoul, Khoa Khoa học và Đời sống (SNU-CALS), Trường Đại học An Giang (Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM): Dự án này góp phần đẩy mạnh hơn nữa mối quan hệ giữa hai Trường ĐHQG Seoul và ĐHQG-HCM mà cụ thể là hai đơn vị thành viên là Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM và SNU-CALS thông qua việc tổ chức các khóa đào tạo tiến sĩ và và sau tiến sĩ, trao đổi cán bộ, giảng viên, sinh viên. Dự án này giúp ĐHQG-HCM cũng như Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM có cơ hội mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, kết nối nghiên cứu và đào tạo với nhiều trường đại học, tổ chức, doanh nghiệp uy tín của Hàn Quốc. Bên cạnh đó, Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM còn có cơ hội nâng cao năng lực đội ngũ, cải tiến chương trình dạy và học, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp.

Đội ngũ giảng viên Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM: các giảng viên tham gia chương trình được học tập, bồi dưỡng, cải thiện năng lực ngoại ngữ, nâng cao năng lực chuyên môn trình độ tiến sĩ và sau tiến sĩ. Bên cạnh đó, năng lực NCKH của giảng viên cũng được nâng cao thông qua việc tham dự các Hội nghị khoa học chung được tổ chức giữa 2 nước và xuất bản các nghiên cứu chung cùng với các giáo sư của SNU-CALS. Các hoạt động của dự án chủ yếu dành cho đội ngũ giảng viên nhằm nâng cao năng lực của đội ngũ giảng viên Trường ĐHAG, đáp ứng yêu cầu phát triển đội ngũ nghiên cứu tiên tiến, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho quá trình chuyển nông nghiệp theo định hướng công nghệ cao.

Sinh viên Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM: sinh viên Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM mà cụ thể là sinh viên Khoa NN-TNTN cũng là một đối tượng được hưởng lợi trực tiếp từ dự án. Với hoạt động cải tiến chương trình đào tạo và tài liệu học tập, mở các chuyên ngành đào tạo mới trình độ đại học từ dự án, sinh viên sẽ được tiếp cận với nội dung kiến thức hiện đại, phương pháp giảng dạy khoa học, có cơ hội học tập các ngành mới phù hợp với xu thế hiện nay. Ngoài ra, sinh viên sẽ được học tập trải nghiệm từ thực tế, được làm quen thêm nhiều bạn bè quốc tế, được cải thiện trình độ giao tiếp, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng làm việc nhóm và tập thể khi tham gia các hoạt động, các chương trình trao đổi của dự án. Đây là cơ hội tốt để giúp các em tự đánh giá và hoàn thiện lại bản thân và cũng là động lực giúp các em xác định mục tiêu công việc trong tương lai.

Viên chức Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM: đội ngũ viên chức của trường bao gồm Lãnh đạo các Khoa, Phòng, nhân viên hành chính, cán bộ quản lý Phòng thí nghiệm được tham gia các khóa đào tạo phù hợp với chuyên môn của mình. Các khóa học về kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng làm việc, kỹ năng quản lý phòng thí nghiệm sẽ được triển khai để nâng cao năng lực cho đội ngũ này nhằm tiến tới xây dựng lộ trình tái tổ chức bộ máy hành chính tại Trường ĐHAG.

Doanh nghiệp: với việc thành lập Trung tâm hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp, xây dựng mạng lưới với các công ty hợp tác với các trường đại học, các doanh nghiệp trong và ngoài nước có cơ hội tham gia và tiếp cận hơn với các trường Đại học, trong đó có Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM. Thông qua các dự án hợp tác, các nghiên cứu chung với nhà trường, các doanh nghiệp và nhà trường sẽ xây dựng được mối quan hệ bền vững và đôi bên cùng có lợi, giúp nhà trường tháo gỡ những khó khăn về tài chính, giúp doanh nghiệp tạo được nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh và hoạt động ngày càng hiệu quả hơn.

**Đối tượng thụ hưởng gián tiếp**

Các trường đơn vị thành viên ĐHQG-HCM, các trường đại học là đối tác của Trường ĐHAG, người dân địa phương, các cơ quan ban ngành tham gia vào quá trình nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ tới cộng đồng là những đối tượng gián tiếp thụ hưởng từ Dự án. Thông qua việc cải tiến chương trình đào tạo, tổ chức các hoạt động hội nghị, hội thảo, NCKH, dự án sẽ giúp cho Trường ĐHAG đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực nông nghiệp, đáp ứng thị trường lao động không chỉ ở trong nước mà còn vươn ra tầm khu vực và quốc tế, phục vụ cho sự phát triển bền vững của khu vực ĐBSCL và của Việt Nam.

# VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

## 1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước

Để chuẩn bị cho việc tiếp nhận cũng như đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, các công việc đã được triển khai trước bao gồm:

- Tháng 11 năm 2019, Trường ĐHAG tiến hành khảo sát thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực, thiết bị phục vụ giảng dạy và nghiên cứu thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

- Tháng 12 năm 2019, Trường ĐHAG tiếp đón và làm việc với Đoàn giáo sư của Khoa Nông nghiệp - Khoa học đời sống, Đại học SNU để trao đổi các thông tin cơ bản về nhân sự, tìm hiểu nhu cầu đào tạo và nghiên cứu, khảo sát cơ sở vật chất của Trường ĐHAG, qua đó hoàn thiện hồ sơ dự án (Project Concept Paper, PCP).

- Tháng 8 năm 2020, Trường ĐHAG đã xây dựng và ban hành kế hoạch số 756/KH-ĐHAG, ngày 05/8/2020 về việc thành lập Ban soạn thảo Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA không hoàn lại. Đồng thời Trường cũng làm việc với Ban Đối ngoại và Phát triển Dự án thuộc ĐHQG-HCM để thảo luận và góp ý dự thảo văn kiện Dự án.

- Tháng 2 năm 2021, Trường ĐHAG tổ chức Hội nghị lấy ý kiến cho khảo sát chuyên sâu Dự án với sự tham gia của các đơn vị có liên quan.

- Tháng 3 năm 2021, tiến hành Hội nghị phỏng vấn trực tuyến giữa Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM, Văn phòng KOICA tại Việt Nam và Đại học SNU. Các nội dung được trao đổi bao gồm giới thiệu công việc tổng thể, thảo luận sâu về các Hợp phần của Dự án (nhu cầu của đối tác, đối tượng thụ hưởng, kế hoạch thực hiện, các nội dung tài trợ, kết quả mong đợi, chỉ tiêu đầu ra). Trường ĐHAG phối hợp với SNU- CALS hoàn thiện các nội dung của PCP theo yêu cầu của KOICA.

- Tháng 6 năm 2021, Đại diện lãnh đạo ĐHQG-HCM ký kết thỏa thuận hợp tác giữa ĐHQG-HCM với KOICA. Ban soạn thảo hoàn thiện các nội dung của Dự án theo yêu cầu của Phụ lục V mẫu văn kiện Dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA không hoàn lại (Theo NĐ56/CP). Ngày 19/2/2022 ban soạn thảo hoàn thiện các nội dung dự án theo nghị định mới 114NĐ/CP.

## 2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án năm đầu tiên

Theo các điều khoản đã ký kết (ROD), kế hoạch tổng thể bảy năm của dự án được thể hiện chi tiết ở Bảng 2 và kế hoạch năm I được thể hiện tại Bảng 3 dưới đây:

**Bảng 2: Kế hoạch tổng thể các hoạt động của dự án**

| **Phân loại**  **(Hoạt động)** | | **2022** | | | | **2023** | | | | **2024** | | | | **2025** | | | | **2026** | | | | | **2027** | | | | | **2028** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Q1** | **Q2** | **Q3** | **Q4** | **Q1** | **Q2** | **Q3** | **Q4** | **Q1** | **Q2** | **Q3** | **Q4** | **Q1** | **Q2** | **Q3** | **Q4** | **Q1** | **Q2** | **Q3** | **Q4** | **Q1** | | **Q2** | **Q3** | **Q4** | **Q1** | | **Q2** | **Q3** | **Q4** |
| **Hoạt động 1**  Nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên ĐHQG-HCM | 1-1. Cung cấp chương trình trình độ tiến sĩ cho đội ngũ giảng viên |  |  |  | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | | **x** | **x** | **x** |  | |  |  |  |
| 1-2. Chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ cho các giảng viên có trình độ tiến sĩ của ĐHAG, ĐHQG-HCM |  |  |  |  | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** |  |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |
| 1-3. Chương trình đào tạo ngắn hạn nhằm tăng cường năng lực nghiên cứu cho đội ngũ giảng viên ĐHAG, ĐHQG-HCM |  |  |  |  | **x** | **x** |  |  | **x** |  |  |  | **x** | **x** |  |  | **x** | **x** |  |  | **x** | | **x** |  |  | **x** | |  |  |  |
| 1-4. Thành lập hệ thống đồng nghiên cứu Hàn Quốc - Việt Nam |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | | **x** | **x** | **x** |  | |  |  |  |
| 1-5. Tổ chức hội nghị khoa học chung thông qua hệ thống hợp tác nghiên cứu trong nội bộ thành viên ĐHQG-HCM |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | | **x** | **x** | **x** | **x** | | **x** | **x** | **x** |
| **Hoạt động 2**  Nâng cao chất lượng chương trình đào tạo | 2-1. Cải tiến chương trình đào tạo theo chuyên ngành | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** |  |  |  |  |  |  | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | | **x** | **x** | **x** | **x** | | **x** | **x** |  |
| 2-2. Hỗ trợ mở ngành đại học/sau đại học mới |  |  | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** |  |  | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |
| 2-3. Thành lập cơ sở vật chất và thiết bị để tăng cường Năng lực Nghiên cứu Nông nghiệp Công nghệ cao |  |  | **x** | **x** | **x** |  |  |  | x | x | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | x |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |
| 2-4. Chương trình trao đổi dành cho sinh viên đại học |  |  | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |
| **Hoạt động 3** Nâng cao năng lực hành chính | 3-1. Tư vấn Năng lực hành chính và tái tổ chức |  |  | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |
| 3-2. Thực hiện đào tạo để tăng cường kỹ năng lãnh đạo Khoa |  |  |  |  | **x** | **x** |  |  |  |  |  |  | **x** | **x** |  |  | **x** |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |
| 3-3. Thực hiện đào tạo cho nhân viên hành chính |  |  |  |  |  |  |  |  | **x** | **x** |  |  |  |  |  |  | **x** | **x** |  |  |  | |  |  |  | **x** | |  |  |  |
| 3-4. Thực hiện đào tạo cho Giám đốc vận hành phòng thí nghiệm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | **x** | **x** |  | **x** | | **x** |  |  |
| **Hoạt động 4**  Tăng cường hợp tác Nhà trường – Doanh nghiệp | 4-1. Hỗ trợ thành lập và vận hành Trung tâm hợp tác Nhà trường – Doanh nghiệp |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | | **x** |  |  | **x** | | **x** |  |  |
| 4-2. Hỗ trợ kết nối mạng lưới hợp tác giữa các trường đại học và Doanh nghiệp |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | | **x** | **x** | **x** |  | |  |  |  |
| 4-3. Thực hiện nghiên cứu chung cho sự phát triển của Vùng Đồng bằng sông Cửu Long giữa các trường Đại học và Doanh nghiệp |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **x** | **x** | **x** | | **x** | **x** | **x** | **x** | |  |  |  |
| **Báo cáo tổng kết** | |  |  | **x** |  |  |  | **x** |  |  |  | **x** |  |  |  | **x** |  |  |  | **x** |  |  | |  | **x** |  |  | |  | **x** |  |

**Bảng 3:** **Kế hoạch các hoạt động năm I (2022- 2023)**

| **Phân loại**  **(Hoạt động)** | | **2022** | | | | **2023** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Q1** | **Q2** | **Q3** | **Q4** | **Q1** | **Q2** | **Q3** | **Q4** |
| Hoạt động 1  Nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên ĐHQG-HCM | 1-1. Cung cấp chương trình trình độ tiến sĩ cho đội ngũ giảng viên |  |  |  | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** |
| 1-2. Chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ cho các giảng viên có trình độ tiến sĩ của Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM |  |  |  |  | **x** | **x** | **x** | **x** |
| 1-3. Chương trình đào tạo ngắn hạn nhằm tăng cường năng lực nghiên cứu cho đội ngũ giảng viên Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM |  |  |  |  | **x** | **x** |  |  |
| Hoạt động 2  Nâng cao chất lượng chương trình đào tạo | 2-1. Cải tiến chương trình đào tạo theo chuyên ngành | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** |  |  |
| 2-2. Hỗ trợ mở ngành đại học/sau đại học mới |  |  | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** |
| 2-3. Thành lập cơ sở vật chất và thiết bị để tăng cường Năng lực Nghiên cứu Nông nghiệp Công nghệ cao |  |  | **x** | **x** | **x** |  |  |  |
| 2-4. Chương trình trao đổi dành cho sinh viên đại học |  |  | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** |
| Hoạt động 3 Nâng cao năng lực hành chính | 3-1. Tư vấn Năng lực hành chính và tái tổ chức |  |  | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** |
| 3-2. Thực hiện đào tạo để tăng cường kỹ năng lãnh đạo Khoa |  |  |  |  | **x** | **x** |  |  |
| **Báo cáo tổng kết** | |  |  | **x** |  |  |  | **x** |  |

***Ghi chú:*** Đối với các chương trình đào tạo ngắn hạn cũng đã được lập các kế hoạch dự phòng. Vì tình hình Covid còn diễn biến phức tạp nên các chương trình được hoãn lại sau năm 2023 và các hoạt động có thể được thực hiện trực tuyến sẽ được điều chỉnh và triển khai thực hiện trước.

## 3. Kế hoạch giám sát và đánh giá dự án

Việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá và giám sát dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại thực hiện theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; theo các quy định tại Luật Đầu tư công.

### 3.1. Giám sát quá trình thực hiện

Cơ quan chủ quản, chủ dự án và và Ban quản lý dự án theo dõi, kiểm tra toàn bộ quá trình thực hiện dự án theo nội dung và các chỉ tiêu đã được phê duyệt nhằm bảo đảm mục tiêu và hiệu quả các hoạt động.

Một tổ công tác chung được chỉ định bởi các bên thực hiện dự án sẽ giám sát đầu vào, đầu ra, hoạt động và mức độ tiến triển của dự án theo từng năm.

### 3.2. Đánh giá dự án

Dự án được đánh giá vào ba giai đoạn bao gồm đánh giá ban đầu, giữa kỳ và kết thúc. Ban quản lý dự án có trách nhiệm đánh giá kết quả thực hiện và gửi báo cáo kết quả dự án về cơ quan chủ quản, chủ dự án và và đồng thời gian với báo cáo cho bên cung cấp viện trợ. Các giai đoạn và nội dung đánh giá bao gồm:

*a) Đánh giá ban đầu*

Trước khi tiến hành, đơn vị thực hiện biên soạn văn kiện dự án và được các cấp có thẩm quyền thẩm định về nguồn lực, mức độ khả thi của các hoạt động, khả năng phối hợp của các đơn vị có liên quan để đảm bảo rằng thực hiện các hoạt động của nghiên cứu được thực hiện một cách thuận lợi theo đúng cam kết với bên cung cấp viện trợ.

*b) Đánh giá giữa kỳ*

Đánh giá dự án sẽ được triển khai cuối năm 2024, bao gồm các nội dung:

- Quá trình thực hiện dự án đến thời điểm hiện tại: hoạt động quản lý thực hiện dự án; kết quả thực hiện các mục tiêu của dự án; các nguồn lực đã huy động; các lợi ích do dự án mang lại cho những đối tượng thụ hưởng; các tác động, tính bền vững của chương trình, dự án;

- Bài học rút ra sau quá trình thực hiện dự án đến thời điểm đánh giá và đề xuất các khuyến nghị cần thiết và đánh giá tác động của dự án đến quá trình phát triển nguồn nhân lực của cơ sở đào tạo và các đối tượng thụ hưởng.

- Đề xuất các giải pháp cần thiết để khắc phục những khó khăn nếu có.

*c) Đánh giá kết thúc*

Đánh giá kết thúc dự án sẽ được triển khai cuối năm 2028, bao gồm các nội dung:

- Quá trình thực hiện dự án: hoạt động quản lý thực hiện dự án; kết quả thực hiện các mục tiêu của dự án; các nguồn lực đã huy động; các lợi ích do dự án mang lại cho những đối tượng thụ hưởng; các tác động, tính bền vững của chương trình, dự án;

- Bài học rút ra sau quá trình thực hiện dự án và đề xuất các khuyến nghị cần thiết; trách nhiệm của cơ quan chủ quản, chủ dự án và các đối tượng liên quan.

- Đánh giá tác động của dự án đến quá trình phát triển nguồn nhân lực của cơ sở đào tạo và các đối tượng thụ hưởng và các bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện dự án.

*d) Đánh giá hiệu quả (kinh tế, xã hội, môi trường), tính khả thi và bền vững của dự án*

Dự án này nhằm mục tiêu phát triển toàn diện chất lượng giáo dục lĩnh vực nông nghiệp và các ngành liên quan tại Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM. Các kết quả trong Dự án sẽ góp phần nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên Trường ĐHAG, chất lượng của chương trình đào tạo, năng lực hành chính đồng thời tăng cường hợp tác Nhà trường – Doanh nghiệp. Thông qua các hoạt động cung cấp các chương trình trình độ cao, các chương trình đào tạo nghiên cứu ngắn hạn cho cán bộ giảng viên, nhân viên hành chính của Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM, các giảng viên của Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM có cơ hội thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu cho các chương trình sau đại học tại SNU-CALS cũng như năng lực của đội ngũ nhân viên hành chính của Trường cũng được nâng cao và chuyên nghiệp hơn. Song song đó, việc xây dựng các chuyên ngành mới sẽ góp phần đổi mới chương trình giảng dạy, thu hút nhiều SV tham gia học tập tại Trường ĐHAG, giúp ổn định nguồn thu cũng như đóng góp vào sự phát triển của Nhà trường. Bên cạnh đó, việc thành lập Hệ thống Nghiên cứu Chung Việt Nam - Hàn Quốc với mục tiêu là thực hiện và xuất bản các nghiên cứu chung dưới sự giám sát của các giáo sư của SNU-CALS sẽ giúp cho năng lực nghiên cứu của giảng viên được nâng cao. Đồng thời, việc xây dựng mạng lưới hợp tác giữa Nhà trường – Doanh nghiệp, thành lập tổ chức chuyên trách về hợp tác Nhà trường – Doanh nghiệp, hỗ trợ Nghiên cứu Chung với các Công ty sẽ góp phần quảng bá và nâng cao hình ảnh cũng như vị thế của Trường ĐHAG với các đối tác. Như vậy, việc triển khai Dự án sẽ nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đóng góp có hiệu quả cho sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang và của cả khu vực ĐBSCL.

Ngoài ra, việc mua sắm, lắp đặt các thiết bị được đầu tư một các hợp lý nhằm phục vụ cho công tác đào tạo, cho việc nghiên cứu các tác động ảnh hưởng của môi trường đến sự phát triển nền nông nghiệp vùng ĐBSCL trong điều kiện thích ứng với biến đổi khí hậu và những thay đổi của xã hội. Do đó, dự án này an toàn cho môi trường trong thời gian thực hiện dự án và cả sau khi dự án kết thúc.

***3.3. Giám sát chi tiêu ngân sách***

- Khoản chi tiêu dùng vốn ODA: KOICA là cơ quan thay mặt cho chính phủ Hàn Quốc quản lý giải ngân khoản tài trợ ODA cho dự án. KOICA lập kế hoạch hoạt động hàng năm bao gồm cả dự trù ngân sách dự án chi tiết cho các hạng mục căn cứ theo kế hoạch hoạt động hàng năm. Báo cáo tài chính giải ngân hàng năm của dự án theo các hoạt động của các hợp phần được KOICA báo cáo đầy đủ và giải trình rõ ràng.

- Vai trò của ĐHQG - HCM và Trường ĐHAG trong việc quản lý và giám sát để đảm bào rằng các hoạt động được thực hiện và vốn ODA được sử dụng hiệu quả. Trường ĐHAG xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm, có ý kiến cho các hạng mục chi cho đào tạo nguồn nhân lực, mua sắm thiết bị, các hoạt động hiệu chỉnh và tạo mới chương trình đào tạo, hội thảo và các nghiên cứu.

- Khoản chi tiêu vốn đối ứng tiền mặt: Trường ĐHAG quản lý và sử dụng theo quy định hiện hành.

***3.4. Chế độ báo cáo***

Chế độ báo cáo được thực hiện hàng năm theo quy định trong bảng cam kết.

Mỗi năm sẽ có 1 lần họp dự án để đánh giá tiến độ thực hiện (thành phần tham dự cuộc họp đánh giá gồm SNU, ĐHQG-HCM, Trường ĐHAG), tổng cộng có 07 báo cáo đánh giá vào quý 3 của các năm từ 2022 đến 2028 để báo cáo tiến độ thực hiện cho phía KOICA theo quy định trong bản thỏa thuận tài trợ. Nội dung báo cáo hàng năm bao gồm:

- Sự phù hợp của kết quả thực hiện chương trình, dự án so với mục tiêu đề ra;

- Tiến độ thực hiện công việc đến thời điểm đánh giá so với kế hoạch được phê duyệt;

- Đề xuất các giải pháp cần thiết, kể cả việc điều chỉnh chương trình, dự án.

Các nội dung báo cáo và kế hoạch giám sát hàng năm, theo từng giai đoạn thực hiện dự án được thể hiện chi tiết tại Bảng 4.

**Bảng 4: Kế hoạch giám sát các hoạt động của dự án**

Theo bản thỏa thuận dự án (ROD) đã được ký kết vào ngày 24/6/2021, kế hoạch giám sát các hoạt động dự án được tiến hành theo các nội dung sau:

| **Hoạt động** | **Chỉ tiêu đầu ra** | **Phương pháp kiểm tra** | **Thời gian bắt đầu** | **Thời gian kết thúc** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Phát triển nguồn nhân lực của giảng viên ĐHQG-HCM** | | | | | |
| 1-1. Đào tạo bằng tiến sĩ cho các giảng viên | 1-1. Tỷ lệ đạt được bằng cấp (Tiến sĩ 12 người, 90%) | - Tiêu chuẩn Giảng viên được tham dự đào tạo tiến sĩ.  - Chỉ tiêu số lượng đầu ra và kết quả đạt được. | 10/2022 | 12/2027 |
| 1-2. Đào tạo nghiên cứu sau tiến sĩ cho các giảng viên có trình độ tiến sĩ của ĐHQG-HCM (Trường ĐHAG) | 1-2. Tỷ lệ hoàn thành (5 người, 100%) | - Tiêu chuẩn Giảng viên được tham dự đào tạo sau tiến sĩ.  - Chỉ tiêu số lượng đầu ra và kết quả đạt được. | 01/2023 | 12/2025 |
| 1-3. Đào tạo ngắn hạn nhằm tăng cường khả năng nghiên cứu cho đội ngũ giảng viên ĐHQG-HCM (Trường ĐHAG). | 1-3. Kết quả dự kiến của chương trình chuyên gia nghiên cứu dành cho giảng viên  1-3 (a). Đào tạo tại Hàn Quốc (60 người, 100%)  1-3 (b). Đào tạo tại Việt Nam (150 người, 100%) | - Tiêu chuẩn Giảng viên được tham dự đào tạo sau tiến sĩ.  - Chỉ tiêu số lượng đầu ra và kết quả đạt được. | 01/2023  01/2024  01/2025  01/2026  01/2027  01/2028 | 06/2023  03/2024  06/2025  06/2026  06/2027  03/2028 |
| 1-4. Thiết lập hệ thống đồng nghiên cứu Hàn Quốc - Việt Nam | 1-4 (a). Các bài báo nghiên cứu hợp tác cho các tạp chí SCI / SSCI (3 bài báo)  1-4 (b). Hội nghị Quốc tế Hàn Quốc-Việt Nam (3 hội nghị) | - Số lượng bài báo đăng tạp chí đúng theo quy định.  - Số lượng hội thảo được tổ chức. | 01/2025 | 12/2027 |
| 1-5. Tổ chức hội nghị học thuật chung thông qua hệ thống hợp tác nghiên cứu nội bộ trong thành viên ĐHQG-HCM | 1-5. Hội nghị học thuật chung giữa các thành viên ĐHQG-HCM (3 hội nghị) | - Số lượng hội thảo được tổ chức. | 01/2026 | 12/2028 |
| **2.** **Cải thiện chất lượng của chương trình đào tạo** | | | | | |
| 2-1. Cải tiến chương trình giảng dạy và tài liệu học tập | 2-1 (a). Chương trình giảng dạy / Hồ sơ khóa học được cải thiện (tổng số 4 chuyên ngành) | - Số lượng CTĐT được xây dựng cải tiến.  - Số lượng tài liệu giảng dạy được biên soạn mới. | 01/2022 | 06/2023 |
| 2-1 (b). Tài liệu giảng dạy (Tổng số 4 quyển) | 01/2025 | 09/2028 |
| 2-2. Thành lập các ngành đào tạo mới ở bậc đại học / sau đại học | 2-2 (a) Chương trình đào tạo và hồ sơ khóa học cho ngành đào tạo mới thành lập  2-2 (b) Tài liệu giảng dạy ngành đào tạo mới thành lập (1 quyển) | - Bộ hồ sơ CTĐT mới được xây dựng.  - Tài liệu giảng dạy mới được biên soạn cho ngành đào tạo mới | 07/2022  07/2024 | 12/2023  06/2026 |
| 2-3. Phương tiện và thiết bị hỗ trợ | 2-3. Thành lập trung tâm thiết bị nghiên cứu | - Bộ hồ sơ mua sắm trang thiết bị đầu tư hỗ trợ cho phòng thí nghiệm nghiên cứu nông nghiệp công nghệ cao theo yêu cầu.  - Tài liệu hướng dẫn quản lý, vận hành phòng thí nghiệm này. | 07/2022  01/2024 | 03/2023  09/2026 |
| 2-4. Chương trình trao đổi sinh viên đại học | 2-4. Số lượng sinh viên đại học dự kiến tham gia chương trình trao đổi (14 sinh viên Hàn, 14 sinh viên Việt Nam) | - Tiêu chí chọn sinh viên tham gia chương trình trao đổi  - Số lượng sinh viên trao đổi giữa hai bên SNU và Trường ĐHAG | 07/2022 | 09/2026 |
| **3. Cải thiện năng lực quản lý hành chính** | | | | | |
| 3-1. Tư vấn và tổ chức lại năng lực hành chính. | 3-1 (a). Kết quả phân tích và chẩn đoán năng lực công việc hành chính.  3-1 (b). Lộ trình cải tiến tổ chức hành chính | - Báo cáo phân tích công việc hành chính  - Sơ đồ hệ thống tổ chức hành chính. | 07/2022 | 06/2024 |
| 3-2. Đào tạo để tăng cường lãnh đạo Khoa | 3-2 (a). Chương trình đào tạo ngắn hạn cho lãnh đạo hành chính: đào tạo tại Hàn Quốc (20 người)  3-2 (b). Chương trình đào tạo ngắn hạn cho lãnh đạo hành chính tại Việt Nam (60 người) | - Tiêu chuẩn Cán bộ tham dự tập huấn.  - Chỉ tiêu số lượng đầu ra và kết quả đạt được.  - Nội dung tập huấn | 01/2023  01/2025  01/2026 | 06/2023  06/2025  03/2026 |
| 3-3. Đào tạo cho nhân viên hành chính | 3-3 (a). Chương trình đào tạo ngắn hạn cho cán bộ hành chính của ĐHQG-HCM (Trường ĐHAG): đào tạo tại Hàn Quốc (20 người)  3-3 (b). Chương trình đào tạo ngắn hạn cho cán bộ hành chính của ĐHQG-HCM (Trường ĐHAG) tại Việt Nam: 60 người) | - Tiêu chuẩn Cán bộ tham dự tập huấn.  - Chỉ tiêu số lượng đầu ra và kết quả đạt được.  - Nội dung tập huấn | 01/2024  01/2026  01/2028 | 06/2024  06/2026  03/2028 |
| 3-4. Đào tạo vận hành cho quản lý phòng thí nghiệm. | 3-4 (a) Chương trình đào tạo ngắn hạn cho cán bộ vận hành phòng thí nghiệm của ĐHQG-HCM (Trường ĐHAG): đào tạo tại Hàn Quốc (20 người).  3-4 (b). Chương trình đào tạo ngắn hạn cho cán bộ vận hành phòng thí nghiệm của ĐHQG-HCM (Trường ĐHAG) tại Việt Nam: 60 người) | - Tiêu chuẩn Cán bộ tham dự tập huấn.  - Chỉ tiêu số lượng đầu ra và kết quả đạt được.  - Nội dung tập huấn. | 04/2027  01/2018 | 06/2027  06/2028 |
| **4.** **Tăng cường hợp tác Nhà trường – Doanh nghiệp** | | | | | |
| 4-1. Thành lập và vận hành Trung tâm hợp tác Nhà trường – Doanh nghiệp | 4-1. Tổ chức hành chính cho Trung tâm hợp tác Nhà trường – Doanh nghiệp | - Bộ hồ sơ thành lập Trung tâm hợp tác Nhà trường – Doanh nghiệp.  - Tài liệu hướng dẫn quản lý, vận hành. | 07/2024  01/2028 | 06/2027  06/2028 |
| 4-2. Thiết lập mạng lưới hợp tác giữa các công ty và trường đại học Hàn Quốc | 4-2 (a). Số lượng chỉ tiêu của MOU ký kết với các công ty và trường đại học Hàn Quốc (4 MOU) | - Số lượng MOU được ký kết  - Bộ hồ sơ xây dựng Ủy ban Hợp tác nhà trường và doanh nghiệp.  - Tài liệu hướng dẫn quản lý, vận hành Ủy ban hợp tác | 07/2024 | 12/2027 |
| 4-2 (b). Xây dựng Ủy ban hợp tác nhà trường và doanh nghiệp |
| 4-3. Thúc đẩy dự án nghiên cứu chung giữa ngành công nghiệp và trường đại học để phát triển công nghệ nông nghiệp | 4-3. Số lượng chỉ tiêu dự án ký kết bởi hợp tác nhà trường và doanh nghiệp (3 dự án) | - Số lượng dự án được ký kết với doanh nghiệp  - Báo cáo kết quả thực hiện các dự án | 07/2026 | 03/2028 |

**VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

Dự án do ĐHQG-HCM quản lý chung và Trường ĐHAG chịu trách nhiệm triển khai thực hiện trực tiếp, với sự phối hợp của SNU-CALS và KOICA. Nhiệm vụ tổ chức quản lý thực hiện dự án được phân công cụ thể như sau:

**1.** **Tổ chức thực hiện dự án phía Việt Nam:**

*a. Cơ quan chủ quản-ĐHQG.TPHCM:*

ĐHQG-HCM là cơ quan chủ quản dự án, thực hiện các công việc như:

- Phê duyệt văn kiện dự án.

- Quyết định tổ chức bộ máy quản lý thực hiện dự án.

- Phối hợp với KOICA triển khai các nhiệm vụ nhằm đạt được mục tiêu của dự án theo như Biên bản thỏa thuận dự án (ROD) đã được ký kết vào ngày 24/6/2021.

- Chỉ đạo, điều phối nguồn lực thực hiện hiệu quả hoạt động của dự án.

- Tổ chức quản lý, theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch; giám sát và đánh giá tình hình thực hiện, đảm bảo chương trình dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và đạt mục tiêu đề ra;

- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan chủ quản theo quy định của pháp luật.

*b. Chủ dự án – Trường ĐHAG*

Trường ĐHAG đảm trách nhiệm vụ là chủ dự án, chịu trách nhiệm về tổ chức vận hành dự án; quản lý, theo dõi, đánh giá, giám sát và sử dụng hiệu quả vốn ODA từ khi chuẩn bị, triển khai, vận hành cho đến khi dự án kết thúc; đảm bảo dự án triển khai đúng tiến độ, đúng mục tiêu đã đề ra:

- Tổ chức triển khai các nội dung của dự án theo cam kết trong khuôn khổ dự án:

+ Phối hợp với SNU triển khai chi tiết các hạng mục công việc theo kế hoạch của dự án.

+ Hỗ trợ chuyên gia Hàn Quốc (SNU-CALS) đến làm việc tại trường ĐH An Giang bao gồm: nơi làm việc, nơi ở cho chuyên gia, đảm bảo an toàn cho các chuyên gia Hàn Quốc và hỗ trợ y tế trong trường hợp khẩn cấp; phân công cán bộ và/hoặc nhân viên hỗ trợ cho các hoạt động có liên quan đến dự án của chuyên gia, cung cấp một văn phòng, và trang thiết bị hợp lý khác cần thiết để thực hiện nhiệm vụ tại Trường ĐHAG, hỗ trợ xin các loại thị thực xuất nhập cảnh, giấy phép cư trú, giấy thông hành... cho các chuyên gia Hàn Quốc khi lưu trú tại Việt Nam.

+ Trang bị cơ sở vật chất để phục vụ cho công tác triển khai dự án.

+ Thực hiện các thủ tục quản lý dự án theo đúng các quy định của pháp luật và nhà tài trợ; tổ chức văn phòng và quản lý nhân sự Ban quản lý dự án.

+ Thiết lập hệ thống thông tin nội bộ, tập hợp, phân loại, lưu trữ toàn bộ thông tin, tư liệu gốc liên quan đến chương trình, Dự án và Ban Quản lý dự án theo các quy định của pháp luật.

+ Theo dõi, cập nhật tình hình thực hiện dự án: tiến độ, khối lượng thực hiện, chất lượng, chi phí và các biến động.

+ Tổ chức công tác giám sát, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất tùy theo tình hình thực hiện và theo thỏa thuận của nhà tài trợ.

+ Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo về dự án (báo cáo thực hiện, báo cáo giám sát, đánh giá, báo cáo tài chính, báo cáo giữa kỳ, báo cáo kết thúc…) đến cơ quan chủ quản, nhà tài trợ và các cơ quan có liên quan theo quy định.

+ Kịp thời đề xuất các phương án xử lý nhằm đảm bảo dự án được thực hiện đúng mục tiêu, tiến độ, chất lượng trong khuôn khổ dự án.

+ Chuẩn bị, hoàn thiện đầy đủ các thông tin dự án để nghiệm thu và bàn giao kết quả đầu ra của dự án.

+ Hoàn tất công tác kiểm toán, bàn giao tài sản khi dự án kết thúc.

- Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan của chủ dự án theo các quy định của nhà nước.

*c. Ban Quản lý dự án (QLDA)*

Trường Đại học An Giang đề xuất nhân sự, ĐHQG-HCM ra quyết định thành lập Ban quản lý dự án. Ban quản lý dự án có nhiệm vụ thực hiện các công việc do chủ dự án giao để báo cáo chủ dự án, bao gồm: Lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch hàng năm thực hiện chương trình, dự án; Chuẩn bị thực hiện và thực hiện chương trình, dự án; Theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện chương trình, dự án; Chuẩn bị để nghiệm thu và bàn giao kết quả đầu ra của chương trình, dự án sau khi hoàn thành; và thực hiện các nhiệm vụ khác trong khuôn khổ chương trình, dự án do chủ dự án giao.

Cơ cấu bao gồm 01 Trưởng ban và 01 Phó trưởng ban, tiểu ban Chuyên môn, tiểu ban Thư ký, và tiểu ban Tài chính. Quyền hạn và trách nhiệm trong Ban quản lý được quy định cụ thể như sau:

+ *Trưởng Ban Quản lý Dự án*: Chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ các hoạt động của dự án, chịu trách nhiệm trước Giám đốc ĐHQG-HCM và trước pháp luật về mọi hoạt động của dự án.

+ *Phó trưởng Ban Quản lý Dự án :* Đại diện Trưởng Ban Quản lý Dự án trực tiếp chỉ đạo, điều hành thực hiện các hoạt động của Dự án; đồng thời giám sát và bảo đảm Dự án được triển khai một cách hiệu quả, đúng thời gian và mục tiêu đề ra. Đồng thời chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Quản lý Dự án, trước pháp luật những nội dung được phân công.

+ *Nhóm chuyên môn*: Chịu trách nhiệm thực hiện trực tiếp các hoạt động chuyên môn (*Biên soạn ngành mới,* *nghiên cứu hợp tác, đào tạo ngắn hạn*…) của dự án theo văn kiện đã phê duyệt; đồng thời thực hiện các nhiệm vụ khác khi Trưởng/Phó trưởng Ban QLDA yêu cầu.

+ *Nhóm thư ký*: Chịu trách nhiệm giúp Phó Trưởng Ban thường trực trong công tác liên lạc các hoạt động của dự án theo chỉ đạo; đồng thời chịu trách nhiệm hỗ trợ Phó Trưởng Ban thường trực và các thành viên Ban QLDA trong các công tác văn phòng, hành chính và các nhiệm vụ khác khi Phó Trưởng Ban thường trực yêu cầu.

+ *Nhóm tài chính*: Chịu trách nhiệm thực hiện các công việc báo cáo thu chi, thanh quyết toán kinh phí của các hoạt động dự án, hoặc các công việc có liên quan tài chính khác.

*d. Các đơn vị phối hợp khác:*

- Vai trò của Nhà tài trợ (KOICA): Đại diện cho chính phủ Hàn Quốc hỗ trợ kỹ thuật cho các đối tác, các cơ quan, tổ chức của Việt Nam.

- Vai trò của trường SNU (CALS): Phối hợp với Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐHAG tổ chức triển khai, thực hiện và giám sát dự án.

Mô hình quản lý của dự án được thể hiện qua sơ đồ ở Hình 1.

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**

**(VNU-HCM)**

**KOICA VIỆT NAM**

**CHỦ DỰ ÁN**

**AGU (FANR)**

**SNU (CALS)**

**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN**

* Trưởng Ban
* Phó trưởng Ban
* Tiểu ban chuyên môn
* Tiểu ban thư ký
* Tiểu ban tài chính

Hình 1: Mô hình Ban quản lý dự án “Tăng cường giáo dục đại học về lĩnh vực nông nghiệp tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam” và cơ chế phối hợp với các bên liên quan

**2. Tổ chức thực hiện dự án phía Hàn Quốc**

Cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan: nhà tài trợ, cơ quan chủ quản và chủ dự án được thể hiện cụ thể như sau:

**KOICA:**

- Phối hợp với VNUHCM triển khai các nhiệm vụ nhằm đạt được mục tiêu của dự án theo như Biên bản thỏa thuận dự án (ROD) đã được ký kết vào ngày 24/6/2021.

- Quản lý kinh phí tài trợ :

Theo các luật và quy định hiện hành tại Hàn Quốc và trong giới hạn kinh phí nêu tại Điều I.5 Biên bản Thỏa thuận dự án (ROD), KOICA sẽ thay mặt cho Chính phủ Hàn Quốc hỗ trợ kinh phí triển khai dự án cho Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM các hoạt động trong thời gian 07 năm từ năm 2021 đến năm 2028.

Toàn bộ phần kinh phí tài trợ sẽ do KOICA quàn lý để thực hiện các phần công việc đã cam kết trong ROD đã ký kết. Kính phí điều phối theo luật ngân sách công của Chính phủ Hàn quốc và kết quả của dự án. Trong đó, phần mua thiết bị thiết bị sẽ do phía KOICA hoặc SNU thực hiện (Danh sách thiết bị dự kiến được nêu tại phụ lục III. Tuy nhiên, tùy theo tình hình thực tế, hai bên sẽ thống nhất lại danh mục thiết bị cụ thể trong quá trình thực hiện dự án).

Trong trường hợp nếu KOICA hoặc SNU đề nghị AGU mua thiết bị thì việc mua sắm, đấu thầu được thực hiện theo quy định của Việt Nam (phía AGU sẽ đứng ra mở thầu, chọn đơn vị cung cấp thay mặt KOICA ký hợp đồng nhưng trong hợp đồng ghi KOICA sẽ chuyển thẳng tiền cho đơn vị được lựa chọn và toàn bộ quy trình đấu thầu này phía AGU phải trao đổi chi tiết nội dung và cung cấp các hồ sơ giấy tờ liên quan cho KOICA và SNU).

**Đại học Quốc gia Seoul (SNU)**, là đơn vị triển khai dự án phía Hàn Quốc. SNU, sẽ phối hợp trực tiếp với Trường ĐHAG, trong việc triển khai các nội dung của chương trình dự án.

**3. Các nội dung khác:**

Tất cả các thiết bị và hàng hóa sẵn có hoặc được mua sắm trong quá trình thực hiện Dự án sẽ trở thành tài sản của bên được nhận viện trợ (Trường ĐHAG) vào cuối giai đoạn.

Bất kỳ công bố và các tài liệu phân phối khác được tạo ra trong quá trình thực hiện Dự án nghiên cứu cần ghi nhận sự hỗ trợ tài chính của bên cung cấp viện trợ (KOICA).

Về cơ bản quyền sở hữu trí tuệ của các sản phẩm hình thành trong quá trình thực hiện dự án sẽ được SNU chuyển lại cho bên phía Việt Nam thông qua văn phòng KOICA. Nội dung chi tiết cũng sẽ được trao đổi và thống nhất trong qua trình thực hiện dự án.

- Cơ chế phối hợp :

- KOICA và ĐHQG-HCM sẽ phối hợp thực hiện các nhiệm vụ để đạt được các mục tiêu của Dự án được quy định tại Điều I.2 của Bản thỏa thuận ROD

- Cả hai Bên sẽ cố gắng hết sức để giải quyết mọi sự cố hoặc vấn đề từ Dự án hoặc có liên quan đến Dự án phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án.

Chi tiết về cơ chế phối hợp cho từng hoạt động cụ thể được thể hiện trong ROD của các bên tham gia thực hiện dự án được thể hiện ở Bảng 5.

**Bảng 5:** **Cơ chế phối hợp để thực hiện các hoạt động dự án giữa nhà tài trợ, cơ quan chủ quản và chủ dự án**

| **Hoạt động** | | **KOICA/SNU** | **ĐẠI HỌC AN GIANG** | **ĐHQG-HCM** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Hoạt động 1  Nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên ĐHQG-HCM | 1-1. Cung cấp chương trình trình độ tiến sĩ cho đội ngũ giảng viên | * Tạo cơ hội cho các giảng viên của Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu cho các chương trình sau đại học tại SNU-CALS. * Hỗ trợ tài chính trong suốt chương trình (học phí, sinh hoạt phí, vé máy bay khứ hồi). * Thời gian hỗ trợ: ba năm cho chương trình tiến sĩ. * Cung cấp chương trình học tiếng Hàn. | Hỗ trợ thủ tục hành chính cho việc tuyển chọn ứng viên chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ là giảng viên Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM có lĩnh vực nghiên cứu liên quan đến nông nghiệp và khoa học đời sống theo nhu cầu ưu tiên của các ngành cần mở . |  |
| 1-2. Chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ cho các giảng viên có trình độ tiến sĩ của Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM | * Hỗ trợ tài chính trong suốt chương trình (học phí, sinh hoạt phí, vé máy bay khứ hồi). * Thời gian hỗ trợ: tối đa một năm. * Hỗ trợ thủ tục hành chính trong thời gian diễn ra chương trình. * Hỗ trợ chương trình học tiếng Hàn. | Hỗ trợ thủ tục hành chính cho việc tuyển chọn ứng viên chương trình Sau tiến sĩ là các giảng viên Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM có lĩnh vực nghiên cứu liên quan đến nông nghiệp và khoa học đời sống theo nhu cầu ưu tiên của các ngành cần mở. |  |
| 1-3. Chương trình đào tạo ngắn hạn nhằm tăng cường năng lực nghiên cứu cho đội ngũ giảng viên Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM | * Lập kế hoạch và triển khai chương trình đào tạo nghiên cứu ngắn hạn tại Hàn Quốc. * Lập kế hoạch và triển khai chương trình đào tạo nghiên cứu ngắn hạn tại Việt Nam. * Hỗ trợ tài chính cho chương trình đào tạo nghiên cứu ngắn hạn. | * Hỗ trợ thủ tục hành chính cho việc lựa chọn ứng viên chương trình đào tạo nghiên cứu ngắn hạn cho các giảng viên Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM có lĩnh vực nghiên cứu liên quan đến nông nghiệp và khoa học đời sống. * Chuẩn bị địa điểm đào tạo và hỗ trợ thủ tục hành chính cho chương trình đào tạo nghiên cứu ngắn hạn tại Việt Nam. |  |
| 1-4. Thành lập hệ thống đồng nghiên cứu Hàn Quốc - Việt Nam | * Thực hiện và xuất bản các nghiên cứu chung dưới sự giám sát của các giáo sư của SNU-CALS. * Lập kế hoạch và triển khai hội nghị chung Hàn Quốc - Việt Nam tổ chức tại Hàn Quốc. * Hỗ trợ tài chính và thủ tục hành chính cho hội nghị chung tổ chức tại Hàn Quốc. | * Thực hiện và xuất bản các nghiên cứu chung của các giảng viên Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM đã tham gia Chương trình trình độ cao trong dự án. * Lập kế hoạch và triển khai hội nghị chung Hàn Quốc - Việt Nam tổ chức tại Việt Nam. * Hỗ trợ thủ tục hành chính cho việc thực hiện hội nghị chung. |  |
|  | 1-5. Tổ chức hội nghị khoa học chung thông qua hệ thống hợp tác nghiên cứu trong nội bộ thành viên ĐHQG-HCM |  | Phối hợp giữa các đại học thành viên trong hệ thống ĐHQG-HCM | Chỉ đạo phối hợp giữa các đại học thành viên trong hệ thống ĐHQG-HCM |
| Hoạt động 2  Nâng cao chất lượng chương trình đào tạo | 2-1. Cải tiến chương trình đào tạo và tài liệu học tập | * Chỉ định một Hội đồng Tư vấn tham gia vào quá trình phát triển chương trình đào tạo từ các bộ phận liên quan của SNU-CALS. * Xây dựng chương trình đào tạo và hồ sơ môn học. * Hỗ trợ tài chính và thủ tục hành chính để phát triển sách giáo khoa | * Hỗ trợ thủ tục hành chính để cải tiến chương trình đào tạo. * Thành lập Hội đồng Tư vấn của Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM với sự tham gia của các Bộ môn của các Khoa. * Hỗ trợ thủ tục hành chính cho việc xây dựng sách giáo khoa tiếng Việt của các giảng viên Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM đã tham gia Chương trình trình độ cao của dự án. | **Quản lý quá trình chỉnh sửa chương trình đào tạo**   * Xác nhận kết quả thành lập ngành đào tạo mới. * Hỗ trợ Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM giải quyết các thủ tục hành chính cần thiết theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc chỉnh sửa chương trình đào tạo. |
| 2-2. Mở ngành đào tạo mới mới ở bậc đại học | * Chỉ định một Hội đồng Tư vấn tham gia mở các ngành đào tạo mới từ các bộ phận liên quan của SNU-CALS. * Xây dựng chương trình đào tạo và hồ sơ môn học cho các ngành đào tạo mới | * Hỗ trợ thủ tục hành chính cho việc mở ngành đào tạo mới * Tham gia vào Ủy ban Hội đồng tư vấn với các giảng viên chuyên ngành mới tại Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM. | **Phối hợp trong việc phê duyệt mở ngành đào tạo mới**   * Thành lập hội đồng thẩm định ngành đào tạo mới tại ĐHQG-HCM. * Quyết định cho phép Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM mở ngành đào tạo mới. |
| 2-3. Hỗ trợ cơ sở vật chất và thiết bị | * Tư vấn kỹ thuật cũng như hỗ trợ tài chính để mua các thiết bị nghiên cứu cần thiết * Danh mục các thiết bị cụ thể sẽ được xác định thông qua tham vấn giữa các Bên. | * Cung cấp địa điểm để đặt thiết bị tài trợ. * Hỗ trợ thủ tục hành chính cho việc vận hành và quản lý thiết bị nghiên cứu. |  |
| 2-4. Chương trình trao đổi sinh viên đại học | * Lập kế hoạch cho chương trình trao đổi sinh viên đại học. * Hỗ trợ tài chính trong suốt chương trình trao đổi. * Lập kế hoạch và triển khai thông tin về chương trình giao lưu tại Việt Nam. | * Hỗ trợ thủ tục hành chính cho việc lựa chọn sinh viên đại học. * Hỗ trợ thủ tục hành chính cho việc thực hiện chương trình. |  |
| Hoạt động 3 Nâng cao năng lực hành chính | 3-1. Tư vấn Năng lực hành chính và tái tổ chức | * Hỗ trợ các chuyên gia để phân tích công việc của nhân viên hành chính. * Hỗ trợ phát triển lộ trình. | * Hỗ trợ thủ tục hành chính cho việc phân tích công việc và tham vấn. |  |
| 3-2. Thực hiện đào tạo để tăng cường năng lực lãnh đạo Khoa | * Lập kế hoạch và triển khai khóa đào tạo kỹ năng lãnh đạo cho các giảng viên hành chính của Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM. | * Hỗ trợ thủ tục hành chính trong việc tuyển chọn người tham gia là các giảng viên Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM có lĩnh vực nghiên cứu liên quan đến nông nghiệp và khoa học đời sống. * Chuẩn bị địa điểm đào tạo và hỗ trợ thủ tục hành chính cho chương trình đào tạo tại Việt Nam. |  |
| 3-3. Thực hiện đào tạo cho nhân viên hành chính | * Lập kế hoạch và triển khai khóa đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ hành chính của Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM. | * Hỗ trợ thủ tục hành chính trong việc lựa chọn người tham gia là những người phụ trách công tác quản lý tại Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM có lĩnh vực nghiên cứu liên quan đến nông nghiệp và khoa học đời sống. * Chuẩn bị địa điểm đào tạo và hỗ trợ thủ tục hành chính cho chương trình đào tạo tại Việt Nam. |  |
| 3-4. Thực hiện đào tạo cho cán bộ quản lý và nhân viên vận hành phòng thí nghiệm | * Lập kế hoạch và triển khai khóa đào tạo nâng cao năng lực cho quản lý phòng thí nghiệm của Trường ĐHAG, ĐHQG-HCM. | * Hỗ trợ thủ tục hành chính trong việc lựa chọn người tham gia là quản lý vận hành phòng thí nghiệm có lĩnh vực nghiên cứu liên quan đến nông nghiệp và khoa học đời sống. * Chuẩn bị địa điểm đào tạo và hỗ trợ thủ tục hành chính cho chương trình đào tạo tại Việt Nam. |  |
| Hoạt động 4  Tăng cường hợp tác Nhà trường – Doanh nghiệp | 4-1. Thành lập và vận hành bộ phận hợp tác Nhà trường – Doanh nghiệp | Tư vấn thành lập bộ phận hợp tác Nhà trường – Doanh nghiệp. | Hỗ trợ thủ tục hành chính cho việc thành lập và vận hành bộ phận chuyên trách về hợp tác Nhà trường – Doanh nghiệp. |  |
| 4-2. Thành lập mạng lưới hợp tác với giữa các trường đại học và doanh nghiệp | * Xây dựng Ủy ban hợp tác Nhà trường – Doanh nghiệp giữa Hàn Quốc và Việt Nam. * Xây dựng mạng lưới với các công ty hợp tác với các trường đại học. | * Lựa chọn thành viên Việt Nam tham gia Ủy ban Hợp tác Nhà trường – Doanh nghiệp. * Hỗ trợ hành chính để xây dựng mạng lưới với các công ty hợp tác giữa Nhà trường – Doanh nghiệp. |  |
| 4-3. Thực hiện nghiên cứu chung cho sự phát triển của Vùng Đồng bằng sông Cửu Long giữa các trường Đại học và Doanh nghiệp | Tham gia và thực hiện nghiên cứu chung với các công ty. | * Hỗ trợ Nghiên cứu chung với các công ty. * Tham gia và thực hiện các nghiên cứu chung với các công ty. |  |

**3. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện dự án của chủ dự án**

Được thành lập theo Quyết định số 241/1999/QĐ-TTg ngày 30/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ, Trường ĐHAG là cơ sở giáo dục đại học công lập, được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục quốc gia, đóng vai trò là chủ dự án. Trải qua hơn 20 năm xây dựng, hội nhập và phát triển, luôn khẳng định được chất lượng giáo dục và đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xã hội ghi nhận, đánh giá cao. Với sứ mạng là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH và chuyển giao công nghệ có uy tín, đóng góp hiệu quả vào sự phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội; đồng thời nỗ lực trở thành trung tâm đào tạo trình độ đại học và sau đại học đa ngành, đa lĩnh vực, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ phục vụ cộng đồng được quốc tế công nhận.

Tháng 3/2018, Trường ĐHAG đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, ĐHQG-HCM cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp cơ sở giáo dục đại học. Tháng 3/2019, Trường chính thức trở thành thành viên liên kết của Tổ chức mạng lưới đảm bảo chất lượng (AUN-QA) thuộc Tổ chức mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN). Hiện nay, Trường ĐHAG có 834 cán bộ viên chức với 490 người có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, làm việc tại 30 đơn vị trực thuộc. Tính đến nay, Trường đã triển khai thành công 149 dự án NCKH có sự tài trợ của các viện, trường đại học, các tổ chức và doanh nghiệp quốc tế; thực hiện trên 1.190 đề tài NCKH các cấp; công bố trên 1.534 bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học uy tín trong và ngoài nước.

Sứ mệnh chính của Trường ĐHAG là đào tạo, thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ để phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Bên cạnh nhiệm vụ đào tạo, Trường ĐHAG còn chủ động tham gia vào các dự án NCKH, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào việc giải quyết các vấn đề khoa học, kỹ thuật, kinh tế, văn hóa và xã hội trong khu vực. Từ các thành tựu trong NCKH và các dự án hợp tác quốc tế, Trường đã phát triển nhiều sản phẩm và quá trình sản xuất công nghệ hữu ích cho cuộc sống và đẩy mạnh xuất khẩu.

Trường ĐHAG có nhiệm vụ cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; thực hiện NCKH và chuyển giao công nghệ; đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh An Giang và ĐBSCL. Trường đã thúc đẩy hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ trong phạm vi tỉnh và khu vực; tạo ra một văn hóa nghiên cứu; thành lập các đội ngũ nghiên cứu trên cả nước nhằm thực hiện các chương trình nghiên cứu trọng điểm, đáp ứng trực tiếp các nhu cầu của xã hội cũng như các yêu cầu phát triển giáo dục đại học.

Năm 2013, Tạp chí Khoa học Trường ĐHAG ra đời và từ tháng 6/2019 được đổi tên thành Tạp chí Khoa học quốc tế ĐHAG (AGU International Journal of Sciences) với 10 kỳ xuất bản/năm (trong đó có 4 kỳ xuất bản bằng ngôn ngữ tiếng Anh theo chuẩn học thuật quốc tế), được Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước tính điểm các công trình khoa học từ năm 2017 đã đánh dấu một bước phát triển mới của Trường trong hoạt động xuất bản phẩm học thuật.

Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường được thực hiện theo quy định của Nhà nước. Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo của Trường được thực hiện có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi GV và người học; các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trường. Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học của Trường cũng được thực hiện có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác NCKH, phát triển công nghệ; các chương trình áp dụng kết quả NCKH công nghệ vào thực tiễn; tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung; công bố các công trình khoa học chung.

Trường ĐHAG đã tập trung vào việc xây dựng và thực hiện một số chương trình hợp tác quốc tế trọng điểm, thành lập ban quản lý triển khai dự án quốc tế, tăng cường nâng cao năng lực ngoại ngữ, giao tiếp quốc tế cho cán bộ, giáo viên nhằm chủ động trong việc tổ chức và quản lý thực hiện các dự án có vốn tài trợ từ nước ngoài để khai thác hợp lý và có hiệu quả các lợi thế cạnh tranh về học thuật của Trường. Từ khi tham gia vào các dự án quốc tế tăng cường giáo dục đại học như ENHANCE, MEKARN, JICA, Oxfam, …Trường ĐHAG không ngừng nâng cao năng lực tổ chức và quản lý thực hiện dự án. Đồng thời, Trường cũng thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, khai thác và thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu với sự hợp tác của nhiều tổ chức quốc tế, trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp tư nhân thông qua các cuộc họp, các buổi hội thảo và tập huấn.

Sau khi kết thúc dự án, Trường ĐHAG tổ chức đánh giá lại hiệu quả các dự án để có kế hoạch cải tiến phù hợp. Các hoạt động hợp tác quốc tế về NCKH có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện các dự án, đề án hợp tác KHCN, các chương trình áp dụng kết quả NCKH và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung, tổ chức hội nghị KHCN quốc tế, tổ chức các dự án quốc tế để nâng cao năng lực CB, GV. Trường ĐHAG cam kết thiết lập và thực hiện đầy đủ hệ thống quản trị hiệu quả, sáng tạo, cải tiến, chuyên nghiệp và có trách nhiệm. Tất cả các hoạt động của Trường sẽ được quản lý một cách có hệ thống và hiệu quả thông qua các quy trình được lưu trữ trong hệ thống máy tính, áp dụng các cách tiếp cận sáng tạo và trải qua quá trình giám sát và đánh giá thường xuyên. Do đó, Trường ĐHAG trong vai trò là chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết phù hợp với pháp luật và các quy định của Việt Nam để đảm bào thực hiện thành công Dự án KOICA.

**IX. TỔNG VỐN DỰ ÁN**

Tổng vốn của dự án là 9,623,900 USD tương đương 222.706.669.900 VNĐ. Trong đó:

a) Vốn viện trợ ODA không hoàn lại: 9,090,000 USD tương đương 210.351.690.000 VNĐ (theo tỷ giá hạch toán giữa VNĐ và USD trong thu chi ngân sách tháng 7/2021 của Bộ Tài chính: 1 USD = 23,141 VNĐ).

b) Vốn đối ứng: 12.354.474.800 VNĐ tương đương 533,900 USD. Trong đó:

+ Từ nguồn Ngân sách Nhà nước: 4.787.790.000 VNĐ

+ Từ nguồn thu sự nghiệp: 7.566.684.800 VNĐ

**1. Vốn ODA không hoàn lại**

Đối với vốn ODA không hoàn lại 9,090,000 USD (tương đương 210.351.690.000 VNĐ[[1]](#footnote-1)). Đây là khoản viên trợ cho chính phủ Hàn Quốc trực tiếp chi tiêu và quản lý thông qua Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA). Vốn viện trợ ODA này được phân bố cho các hoạt động dự kiến trong Bảng 6.

**Bảng 6**. **Vốn viện trợ ODA dự kiến phân bổ cho các hoạt động** *(Đơn vị: USD)*

| **Hoạt động** | **Nội dung chi** | **Kinh phí phân bổ** |
| --- | --- | --- |
| Hợp phần 1: Nâng cao năng lực của đội ngũ giảng viên ĐHQG-HCM | * 1. *Đào tạo bằng tiến sĩ* *cho các giảng viên*   Các khoản chi bao gồm chương trình học tiếng Hàn, vé máy bay khứ hồi, và học phí, sinh hoạt phí trong thời gian 3 năm.   * 1. *Đào tạo nghiên cứu sau tiến sĩ*   Các khoản chi bao gồm vé máy bay, học phí, và sinh hoạt phí trong thời gian một năm.  *1-3. Đào tạo ngắn hạn ngoài nước và trong nước*  Hỗ trợ các chi phí liên quan đến đào tạo trong và ngoài nước  *1-4. Thiết lập hệ thống đồng nghiên cứu Hàn Quốc Việt Nam*  Các chi phí liên quan đến quá trình hợp tác xúc tiến đồng nghiên cứu, và chi phí các hội thảo được tổ chức tại Hàn Quốc.  *1-5. Tổ chức hội nghị học thuật trong thành viên ĐHQG-HCM*  Chi phí các cuộc họp hỗ trợ tổ chức hội thảo. | 2,447,365.47 |
| Hợp phần 2: Cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo | *2.1. Cải tiến chương trình đào tạo theo chuyên ngành*  Hỗ trợ chi phí liên quan đến các cuộc thảo luận, văn phòng phẩm để phát triển tài liệu giảng dạy.  *2-2. Hỗ trợ mở ngành đại học/sau đại học mới*  Hỗ trợ chi phí liên quan đến các cuộc thảo luận, văn phòng phẩm để mở ngành.  *2-3. Đầu tư thiết bị nghiên cứu*  Hỗ trợ chi phí mua trang thiết bị  *2-4. Chương trình trao đổi dành cho sinh viên đại học*  Cung cấp các khoản chi phí cho quá trình trao đổi sinh viên. | 2,661,020.71 |
| Hợp phần 3: Xây dựng năng lực hành chính | *3-1. Tư vấn Năng lực hành chính và tái tổ chức*  Hỗ trợ chi phí liên quan đến các cuộc thảo luận, phân tích để xây dựng tổ chức hành chính.  *3-2. Đào tạo tăng cường kỹ năng lãnh đạo cấp Khoa*  *3-3. Thực hiện đào tạo cho nhân viên hành chính*  *3-4. Thực hiện đào tạo cho giám đốc vận hành phòng thí nghiệm*  Đối với 3 hoạt động 3.2; 3.3, và 3.4, sự hỗ trợ thể hiện hiện khác nhau ở hai hình thức tập huấn tại Hàn Quốc và trong nước, cụ thể như sau:  *Đối với tập huấn ở Hàn quốc:* hỗ trợ vé máy bay (khứ hồi), ăn uống, chi phí hàng ngày, chỗ ở và các chi phí khác liên quan đến quá trình tập huấn.  *Đối với tập huấn tại Việt Nam*: bao gồm các chi phí liên quan đến quá trình tập huấn như người báo cáo, phiên dịch… và chi phí cho người quản lý khóa tập huấn. | 2,026,262.17 |
| Hợp phần 4: Tăng cường hợp tác Nhà trường - Doanh nghiệp | *4-1. Hỗ trợ thành lập và vận hành bộ phận hợp tác Nhà trường – Doanh nghiệp*  Hỗ trợ chi phí các cuộc họp, thảo luận và các chi phí liên quan đến vận hành.  *4-2. Hỗ trợ kết nối mạng lưới hợp tác giữa Nhà trường và Doanh nghiệp*  Hỗ trợ chi phí các cuộc họp, thảo luận và các chi phí liên quan đến kết nối mạng lưới hợp tác giữa Nhà Trường và doanh nghiệp.  *4-3. Thực hiện nghiên cứu chung cho sự phát triển của Vùng ĐBSCL giữa các Trường Đại học và Doanh nghiệp*  Hỗ trợ kinh phí nghiên cứu với các đơn vị sau khi ký kết hợp tác. | 240,221.58 |
| Quản lý dự án và dự phòng của phía SNU |  | 1,715,130.07 |
|  | **Tổng** | **9,090,000** |

*Ghi chú: \*Bảng kinh phí được ước tính theo các hoạt động dựa trên yêu cầu vắn tắt. Kinh phí trong bảng là tạm tính. Yêu cầu kinh phí chi tiết sẽ được xác định đầy đủ sau khi văn kiện Dự án được thông qua.*

## 2. Vốn đối ứng

*Vốn đối ứng bằng tiền:*

Ước tính vốn đối ứng bằng tiền của Dự án cho cả giai đoạn 2021-2028 là 12.354.474.800 VNĐ (tương đương 533,900 USD[[2]](#footnote-2)). Nguồn vốn đối ứng được trích từ ngân sách nhà nước và hoạt động hàng năm của Trường ĐHAG. Nguồn kinh phí này được sử dụng cho các khoản mục được quy định tại Điều 44, Khoản 2 của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP về vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện các chương trình, dự án. Bao gồm các khoản chi: chi phí hoạt động cho BQL dự án, chi phí cho hội thảo, hội nghị, đào tạo, tập huấn và thực hiện chương trình, dự án, chi phí tuyên truyền, quảng bá, chi phí tiếp nhận và vận chuyển nội địa, và những chi phí liên quan khác (Bảng 7 và 8).

*Vốn đối ứng bằng hiện vật:*

Ngoài vốn đối ứng bằng tiền mặt, Trường ĐHAG sẽ cung cấp một số đóng góp dưới dạng hiện vật như phòng làm việc cho chuyên gia và phòng để bố trí trang thiết bị thí nghiệm. Cụ thể sẽ bố trí 05 phòng đối ứng bao gồm:

- 03 phòng lab để bố trí trang thiết bị thí nghiệm

- 01 phòng làm việc cho chuyên gia Hàn Quốc

- 01 phòng làm việc cho Ban Quản lý dự án tại Trường ĐHAG.

**Bảng 7**: **Dự trù vốn đối ứng bằng tiền**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung chi** | **Dự trù hàng năm**  (VNĐ) | **Số năm** | **Tổng số tiền** (VNĐ) | **Tổng số tiền** (USD) | **Nguồn đối ứng** |
| I | Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng | 512.383.543 | 7 | 3.586.684.800 | 155,006 | Sự nghiệp ĐHAG |
| II | Kinh phí hoạt động nghiệp vụ chuyên môn | 425.714.286 | 7 | 2.980.000.000 | 128,776 | Sự nghiệp ĐHAG |
| III | Chi phí quản lý dự án phía AGU | 683.970.000 | 7 | 4.787.790.000 | 206,905 | Ngân sách nhà nước |
| IV | Chi phí dự phòng và các chi phí phát sinh khác | 142.857.143 | 7 | 1.000.000.000 | 43,213 | Sự nghiệp ĐHAG |
|  | ***Tổng kinh phí đối ứng cho cả Dự án*** | | | **12.354.474.800** | **533,900** |  |

*(Bằng chữ: Mười hai tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm đồng)*

**Bảng 8**: **Chi tiết dự trù vốn đối ứng bằng tiền**

*Đơn vị: VNĐ*

| **STT** | **Nội dung** | **Chiết tính** | **Định mức** | **Số lượng** | **Kinh phí** | **Nguồn kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |
| **I** | **Kinh phí Đào tạo, bồi dưỡng** |  |  |  | **3.586.684.800** | **Sự nghiệp ĐHAG** |  |
| **1** | **Hợp phần 1: Nâng cao năng lực của đội ngũ giảng viên ĐHQG-HCM** |  |  |  | **1.876.684.800** |  |  |
| 1.1 | Cung cấp chương trình trình độ tiến sĩ cho đội ngũ giảng viên |  |  |  |  |  |  |
|  | Chi trả 40% phụ cấp lương và BHXH cho 12 GV gửi đi đào tạo TS 3 năm tại Hàn Quốc (Theo Điều 8 Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004) | (Hệ số LBQ 4,0 × 1,49 LCS x 36 tháng × 40%) + (Hệ số LBQ 4,0 × 1,49 LCS × 36 tháng × 24%) | 137.318.400 | 12 | 1.647.820.800 |  |  |
| 1.2 | Chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ cho các giảng viên có trình độ tiến sĩ của ĐHAG. ĐHQG-HCM (05 người) |  |  |  |  |  |  |
|  | Chi trả 40% phụ cấp lương và BHXH cho 05 GV gửi đi đào tạo Sau TS 1 năm tại Hàn Quốc (Điều 8 Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004) | (Hệ số LBQ 4,0 × 1,49 LCS × 12 tháng × 40%) + (Hệ số LBQ 4,0 × 1,49 LCS × 12 tháng × 24%) | 45.772.800 | 5 | 228.864.000 |  |  |
| **2** | **Chương trình đào tạo ngắn hạn nhằm tăng cường năng lực nghiên cứu cho đội ngũ giảng viên ĐHAG, ĐHQG-HCM** |  |  |  | **1.050.000.000** |  |  |
|  | Đào tạo tại Việt Nam 150 người (25 người × 6 đợt), 7 ngày/đợt | Công tác phí (chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú và tiền thuê phòng nghỉ): 1 triệu đồng/người/ngày | 7.000.000 | 150 | 1.050.000.000 |  |  |
| **3** | **Hợp phần 3: Xây dựng năng lực hành chính** |  |  |  | **660.000.000** |  |  |
| 3.1 | Thực hiện đào tạo để tăng cường kỹ năng lãnh đạo Khoa |  |  |  | 180.000.000 |  |  |
| b | Đào tạo tại Việt Nam 60 người (20 người × 3 đợt), 3 ngày/đợt | Công tác phí (chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú và tiền thuê phòng nghỉ): 1 triệu đồng/người/ngày | 3.000.000 | 60 | 180.000.000 |  |  |
| 3.2 | Thực hiện đào tạo cho nhân viên hành chính |  |  |  | 180.000.000 |  |  |
| b | Đào tạo tại Việt Nam 60 người (20 người × 3 đợt), 3 ngày/đợt | Công tác phí (chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú và tiền thuê phòng nghỉ): 1 triệu đồng/người/ngày | 3.000.000 | 60 | 180.000.000 |  |  |
| 3.3 | Thực hiện đào tạo cho Giám đốc vận hành phòng thí nghiệm |  |  |  | 300.000.000 |  |  |
| b | Đào tạo tại Việt Nam 60 người (20 người × 3 đợt), 5 ngày/đợt | Công tác phí (chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú và tiền thuê phòng nghỉ): 1 triệu đồng/người/ngày | 5.000.000 | 60 | 300.000.000 |  |  |
| **II** | **Kinh phí hoạt động nghiệp vụ chuyên môn** |  |  |  | **2.980.000.000** | **Sự nghiệp ĐHAG** |  |
| **1** | **Cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo** |  |  |  | **1.980.000.000** |  |  |
| 1.1 | Thành lập cơ sở vật chất và thiết bị để tăng cường Năng lực Nghiên cứu Nông nghiệp Công nghệ cao |  |  |  | **700.000.000** |  |  |
| a | Chi phí tiếp nhận và phổ biến công nghệ, tập huấn sử dụng công nghệ mới (nếu có) |  | 500.000.000 | 1 | 500.000.000 |  |  |
| b | Chi trả các loại thuế, phí hải quan, phí bảo hiểm theo quy định hiện hành (nếu có) |  | 100.000.000 | 1 | 100.000.000 |  |  |
| c | Chi phí tiếp nhận thiết bị và vận chuyển nội địa (nếu có) |  | 100.000.000 | 1 | 100.000.000 |  |  |
| 1.2 | Chương trình trao đổi dành cho sinh viên đại học (hỗ trợ thủ tục hành chính) |  |  |  | 280.000.000 |  |  |
| a | Hàn Quốc tiếp nhận 14 sinh viên AGU | 10 triệu đồng/sinh viên | 10.000.000 | 14 | 140.000.000 |  |  |
| b | Việt Nam tiếp nhận 14 sinh viên SNU | 10 triệu đồng/sinh viên | 10.000.000 | 14 | 140.000.000 |  |  |
| **2** | **Thành lập hệ thống đồng nghiên cứu Hàn Quốc - Việt Nam** |  |  |  | **900.000.000** |  |  |
| 2.1 | Các bài báo nghiên cứu hợp tác cho các tạp chí SCI / SSCI (03 bài báo) | 50 triệu/bài | 50.000.000 | 3 | 150.000.000 |  |  |
| 2.2 | Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học (03 hội thảo) | Chi phí tổ chức Hội thảo quốc tế: 250 triệu đồng/hội thảo | 250.000.000 | 3 | 750.000.000 |  |  |
| **3** | **Tăng cường hợp tác Nhà trường - Doanh nghiệp** |  |  |  | **100.000.000** |  |  |
|  | Thực hiện nghiên cứu chung cho sự phát triển của Vùng Đồng bằng sông Cửu Long giữa các trường Đại học và Doanh nghiệp (02 đề tài) | 50 triệu/đề tài nghiên cứu | 50.000.000 | 2 | 100.000.000 |  |  |
| **III** | **Chi phí quản lý dự án** |  |  |  | **4.787.790.000** | **Ngân sách nhà nước** |  |
| **1** | **Triển khai dự án** |  |  |  | **3.583.790.000** |  |  |
| 1.1. | Chi phí trang thiết bị, hoạt động của phòng dành cho chuyên gia Hàn Quốc và văn phòng BQLDA |  | 100.000.000 | 2 | 200.000.000 |  |  |
| 1.2. | Chi phí cho Ban quản lý dự án (21 người) |  |  |  | 3.383.790.000 |  |  |
| a | Trưởng Ban | LCB x (HSL 6,56 + PC 3,49) x tham gia 40% x 70 tháng | 419.286.000 | 1 | 419.286.000 |  |  |
| b | Phó Trưởng Ban | LCB x (HSL 6,2 + PC 2,2) x tham gia 40% x 70 tháng | 350.448.000 | 1 | 350.448.000 |  |  |
| c | Tiểu ban chuyên môn | LCB x (HSL 4,69 + PC 1,31) x tham gia 25% x 60 tháng | 133.876.500 | 8 | 1.071.012.000 |  |  |
| d | Tiểu Ban thư ký | LCB x (HSL 3,75 + PC 1,0) x tham gia 30% x 70 tháng | 158.014.500 | 8 | 1.264.116.000 |  |  |
| e | Tiểu Ban Tài chính | LCB x (HSL 3,66 + PC 0,5) x tham gia 25% x 60 tháng | 92.976.000 | 3 | 278.928.000 |  |  |
| **2** | **Chi phí điện, nước, khấu hao tài sản** |  | **10.000.000** | **84** | **840.000.000** |  |  |
| **3** | **Chi phí truyền thông cho dự án** |  | **1.000.000** | **84** | **84.000.000** |  |  |
| **4** | **Tổ chức các cuộc họp, đánh giá, triển khai dự án** |  | **10.000.000** | **28** | **280.000.000** |  |  |
| **IV** | **Chi phí dự phòng và các chi phí phát sinh khác** |  | **1.000.000.000** | **1** | **1.000.000.000** | **Sự nghiệp ĐHAG** |  |
|  | **TỔNG CỘNG:** |  |  |  | **12.354.474.800** |  |  |

*(Bằng chữ: Mười hai tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm đồng)*

*Căn cứ áp dụng:*

*(1) Điều 44 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 về Quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.*

*(2) Thông tư số 219/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về một số định mức chi tiêu áp dụng cho các chương trình/dự án sử dụng nguồn vốn ODA.*

*(3) Điều 8 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004* *về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.*

## 3. Cơ chế tài chính

a) Cơ chế tài chính áp dụng đối với vốn viện trợ:

Đối với vốn ODA không hoàn lại 9,090,000 USD (tương đương 210.351.690.000 VNĐ): Đây là khoản viện trợ không hoàn lại do Chính phủ Hàn Quốc trực tiếp chi tiêu và quản lý thông qua Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc theo cơ chế cấp phát toàn bộ. Do vậy, không áp dụng cho Dự án này các điều kiện được vay lại của chủ dự án theo quy định của Luật quản lý nợ công đối với chương trình, dự án vay lại, cơ sở tính toán doanh thu, chi phí, tính khả thi của dự án theo các điều kiện của các khoàn vay nước ngoài, phương án trả nợ, phương án tài sản đảm bảo với khoản tiền vay.

b) Cơ chế tài chính áp dụng đối với vốn đối ứng:

Vốn đối ứng: 12.354.474.800 VNĐ, tương đương 533,900 USD. Trong đó:

+ Từ nguồn Ngân sách Nhà nước: 4.787.790.000 VNĐ

+ Từ nguồn thu sự nghiệp ĐHAG: 7.566.684.800 VNĐ

# X. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI (NẾU CÓ)

Dự án hỗ trợ kỹ thuật này không sử dụng vốn vay nên không áp dụng các quy định về vốn vay OAD ưu đãi có ràng buộc của Nghị định 114 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ: Về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài. Khoản viện trợ không hoàn lại này do Cơ Quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc quản lý và chi tiêu trực tiếp.

**PHỤ LỤC I**

**A. Tiêu chí tuyển chọn ứng viên đào tạo sau đại học (trình độ tiến sĩ, sau tiến sĩ) và các lớp đào tạo, huấn luyện trong khuôn khổ dự án** (*Căn cứ Quyết định số 394/QĐ-ĐHAG về Quy định đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức Trường ĐHAG, ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2020*)

Cán bộ, công chức, viên chức (CBCCCV) Trường ĐHAG được cử đào tạo phải đáp ứng các điều kiện sau:

**1. Tiêu chí tuyển chọn ứng viên đào tạo sau đại học**

- Phải theo kế hoạch đào tạo hàng năm của Trường đã được phê duyệt;

- Đã kết thúc thời gian tập sự (nếu có);

- Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nghề nghiệp tại Trường ĐHAG sao khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 3 lần thời gian đào tạo;

- Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm hoặc nhu cầu thực tế của Nhà trường;

- Đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn khác của chương trình, dự án hợp tác:

+ Có bằng Thạc sĩ, chứng chỉ tiếng Hàn hoặc tiếng Anh (TOPIK 3 hoặc IELTS 6.0). Miễn điều kiện ngoại ngữ đối với các ứng viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo Thạc sĩ bằng tiếng Anh;

+ Ứng viên và cha, mẹ của ứng viên đều không phải là công dân Hàn Quốc;

+ Nếu ứng viên hoặc cha, mẹ đã có quốc tịch Hàn Quốc, việc từ bỏ quốc tịch Hàn Quốc phải được thực hiện trước thời hạn nộp hồ sơ trực tuyến.

**2. Tiêu chí tuyển chọn ứng viên tham gia các chương trình đào tạo ngắn hạn**

*Tại Hàn Quốc:*

- Đối với các khóa bồi dưỡng, tập huấn có thời gian dưới 01 tháng, CBCCCV phải còn đủ tuổi để công tác ít nhất 18 tháng tính từ khi khóa bồi dưỡng, tập huấn bắt đầu;

- Đối với các khóa bồi dưỡng, tập huấn có thời gian từ 01 tháng trở lên, CBCCCV phải còn đủ tuổi để công tác ít nhất 02 năm tính từ khi khóa bồi dưỡng, tạp huấn bắt đầu;

- CBCCCV không bị xem xét, xử lý kỷ luật hoặc trong thời gian thi hành kỷ luật từ khiển trách trở lên; CBCCCV không thuộc trường hợp chưa được xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật;

- CBCCCV được cử đi bồi dưỡng, tập huấn phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm trước liền kề;

- Chuyên môn, nghiệp vụ của CBCCCV được cử đi bồi dưỡng, tập huấn phải phù hợp với nội dung của khóa bồi dưỡng, tập huấn;

- Có sức khỏe đảm bảo đáp ứng yêu cầu của khóa bồi dưỡng, tập huấn;

*Tại Việt Nam:*

Lãnh đạo, quản lý, cấp có thẩm quyền cử CBCCCV tham gia các lớp tập huấn ngắn hạn căn cứ vào tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp CBCCCV, tiêu chuẩn chức vụ, yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành và các kiến thức bổ trợ khác.

**B. Tiêu chí tuyển chọn ứng viên tham gia chương trình trao đổi sinh viên**

- Đang học khóa chính quy lĩnh vực liên quan đến nông nghiệp và khoa học đời sống tại Trường ĐHAG;

- Có thành tích học tập tốt (điểm trung bình học tập đạt loại Khá trở lên, lớn hơn 2.5);

- Kết quả rèn luyện tốt (điểm rèn luyện đạt loại Tốt trở lên, lớn hơn 80);

- Đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn khác của chương trình, dự án hợp tác, ưu tiên sinh viên có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh hoặc tiếng Hàn.

**PHỤ LỤC II**

**DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU**

ĐANG GIẢNG DẠY CHUYÊN NGÀNH TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP TẠI ĐẠI HỌC AN GIANG

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **HỌ VÀ TÊN** | **TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN** | **ĐƠN VỊ** |
|  | Hồ Thanh Bình | PGS.Tiến sĩ | Ban Giám Hiệu |
|  | Võ Lâm | PGS.Tiến sĩ | Phòng QLKH-ĐTSĐH |
|  | Nguyễn Thị Thanh Xuân | Tiến sĩ | BCN Khoa NN-TNTN |
|  | Nguyễn Duy Tân | Tiến sĩ | BCN Khoa NN-TNTN |
|  | Phan Phương Loan | Tiến sĩ | BCN Khoa NN-TNTN |
|  | Thái Huỳnh Phương Lan | Tiến sĩ | BM. Phát triển nông thôn |
|  | Phạm Huỳnh Thanh Vân | Tiến sĩ | BM. PTNT |
|  | Phạm Văn Quang | Tiến sĩ | BM. PTNT |
|  | Phạm Xuân Phú | Tiến sĩ | BM. PTNT |
|  | Trần Văn Hiếu | NCS | BM. PTNT |
|  | Huỳnh Ngọc Đức | Thạc sĩ | BM. PTNT |
|  | Phạm Duy Tiễn | NCS | BM. PTNT |
|  | Đường Huyền Trang | Thạc sĩ | BM. PTNT |
|  | Trần Nghĩa Khang | Tiến sĩ | BM. Công nghệ thực phẩm |
|  | Vũ Thị Thanh Đào | Thạc sĩ | BM. CNTP |
|  | Trần Phương Lan | Tiến sĩ | BM. CNTP |
|  | Cao Thị Luyến | Tiến sĩ | BM. CNTP |
|  | Nguyễn Thành Trung | Tiến sĩ | BM. CNTP |
|  | Hồ Minh Thảo | Tiến sĩ | BM. CNTP |
|  | Hồ Thị Ngân Hà | NCS | BM. CNTP |
|  | Trần Xuân Hiển | NCS | BM. CNTP |
|  | Đào Văn Thanh | Thạc sĩ | BM. CNTP |
|  | Lê Ngọc Hiệp | Thạc sĩ | BM. CNTP |
|  | Trịnh Thanh Duy | Thạc sĩ | BM. CNTP |
|  | Trần Thanh Tuấn | Thạc sĩ | BM. CNTP |
|  | Phan Uyên Nguyên | Thạc sĩ | BM. CNTP |
|  | Diệp Kim Quyên | Thạc sĩ | BM. CNTP |
|  | Nguyễn Thị Hạnh Chi | Tiến sĩ | BM. Chăn nuôi thú ý |
|  | Nguyễn Tuyết Giang | Tiến sĩ | BM. CNTY |
|  | Bùi Phan Thu Hằng | Tiến sĩ | BM. CNTY |
|  | Lê Thị Thúy Hằng | Tiến sĩ | BM. CNTY |
|  | Nguyễn Thị Thu Hồng | Tiến sĩ | BM. CNTY |
|  | Nguyễn Phi Bằng | Tiến sĩ | BM. CNTY |
|  | Nguyễn Thế Thao | Tiến sĩ | BM. CNTY |
|  | Nguyễn Bá Trung | Tiến sĩ | BM. CNTY |
|  | Trương Thanh Nhã | Thạc sĩ | BM. CNTY |
|  | Trần Trung Tuấn | Thạc sĩ | BM. CNTY |
|  | Ngô Thụy Bảo Trân | NCS | BM. CNTY |
|  | Nguyễn Bình Trường | NCS | BM. CNTY |
|  | Đào Thị Mỹ Tiên | Thạc sĩ | BM. CNTY |
|  | Hồ Xuân Nghiệp | Thạc sĩ | BM. CNTY |
|  | Vũ Ngọc Hoài | Thạc sĩ | BM. CNTY |
|  | Nguyễn Thị Mỹ Duyên | Tiến sĩ | BM. Công nghệ sinh học |
|  | Văn Viễn Lương | Thạc sĩ | BM. CNSH |
|  | Diệp Nhựt Thanh Hằng | Thạc sĩ | BM. CNSH |
|  | Nguyễn Hữu Thanh | Tiến sĩ | BM. CNSH |
|  | Hồ Thị Thu Ba | Tiến sĩ | BM. CNSH |
|  | Trương Ánh Phương | Tiến sĩ | BM. CNSH |
|  | Đoàn Thị Minh Nguyệt | Tiến sĩ | BM. CNSH |
|  | Nguyễn Phú Thọ | NCS | BM. CNSH |
|  | Lê Hoàng Bảo Ngọc | NCS | BM. CNSH |
|  | Vương Bảo Ngọc | Thạc sĩ | BM. CNSH |
|  | Bằng Hồng Lam | NCS | BM. CNSH |
|  | Trịnh Hoài Vũ | Thạc sĩ | BM. CNSH |
|  | Phạm Trường An | Thạc sĩ | BM. CNSH |
|  | Nguyễn Khắc Chung Thẫm | Thạc sĩ | BM. CNSH |
|  | Lý Thị Thanh Thảo | Thạc sĩ | BM. CNSH |
|  | Trần Văn Khải | Thạc sĩ | BM. Khoa học cây trồng |
|  | Lê Minh Tuấn | Thạc sĩ | BM. KHCT |
|  | Nguyễn Phú Dũng | Tiến sĩ | BM. KHCT |
|  | Nguyễn Văn Chương | Tiến sĩ | BM. KHCT |
|  | Lê Hữu Phước | NCS | BM. KHCT |
|  | Võ Thị Xuân Tuyền | Thạc sĩ | BM. KHCT |
|  | Nguyễn Thị Minh Châu | Thạc sĩ | BM. KHCT |
|  | Huỳnh Trường Huê | Thạc sĩ | BM. KHCT |
|  | Nguyễn Thị Thúy Diễm | Thạc sĩ | BM. KHCT |
|  | Nguyễn Thị Thái Sơn | Thạc sĩ | BM. KHCT |
|  | Cù Ngọc Quý | Thạc sĩ | BM. KHCT |
|  | Văng Thị Tuyết Loan | Thạc sĩ | BM. KHCT |
|  | Trần Vĩnh Sang | Thạc sĩ | BM. KHCT |
|  | Võ Thị Hướng Dương | Thạc sĩ | BM. KHCT |
|  | Nguyễn Hữu Yến Nhi | Tiến sĩ | BM. Nuôi trồng thủy sản |
|  | Trần Kim Hoàng | Thạc sĩ | BM. NTTS |
|  | Trịnh Thị Lan | Thạc sĩ | BM. NTTS |
|  | Lê Văn Lễnh | NCS | BM. NTTS |
|  | Trần Kim Ngọc | Tiến sĩ | BM. NTTS |
|  | Trần Thị Mộng Trinh | Tiến sĩ | BM. NTTS |
|  | Nguyễn Thị Thúy Hằng | Thạc sĩ | BM. NTTS |
|  | Đỗ Hà Thành | Thạc sĩ | Văn Phòng Khoa |
|  | Thái Thị Đan Thanh | Cử nhân | VP. Khoa |
|  | Nguyễn Ngọc Thu Hồng | Cử nhân | VP. Khoa |

**DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

CỦA KHOA NÔNG NGHIỆP - TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | **TRÌNH ĐỘ** |
|  | Khoa học cây trồng | Thạc sĩ |
|  | Công nghệ thực phẩm | Thạc sĩ |
|  | Chăn nuôi | Thạc sĩ |
|  | Công nghệ sinh học | Thạc sĩ |
|  | Khoa học cây trồng | Đại học |
|  | Bảo vệ thực vật | Đại học |
|  | Công nghệ thực phẩm | Đại học |
|  | Công nghệ sinh học | Đại học |
|  | Chăn nuôi | Đại học |
|  | Nuôi trồng thủy sản | Đại học |
|  | Phát triển nông thôn | Đại học |
|  | Sinh học ứng dụng | Đại học |

**PHỤ LỤC III**

**DANH SÁCH CÁC THIẾT BỊ DỰ KIẾN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN THIẾT BỊ** | **MODEL** | **SỐ LƯỢNG** |
| 1 | Plant growth chamber | Conviron Model BDW160 | 2 |
| 2 | Confocal microscope | LSM 900 | 3 |
| 3 | Gas chromatograph  mass spectrometer | GCMS-TQ8050 NX W/O RP 230V | 5 |
| 4 | Mass spectrometer | MALDI-8020 | 10 |
| 5 | Critical point dryer | C160336 Leica EM CPD300 Automated Critical Point Dryer | 1 |
| 6 | Ultramicrotome | Ultramicrotome Leica EM UC7 | 1 |
| 7 | SEM | (Desktop model, no coating:  Phenom XL G2 Argon-Compatible Desktop SEM-Thermal Fisher) | 1 |
| 8 | TEM | Hitachi HF5000 | 1 |
| 9 | Metabolite database and SIMCA | Support from SNU, they had these | 1 |
| 10 | Supercritical chromatography system | Support from SNU, they had these | 1 |
| 11 | Rapid visco analyser | 4800 PerkinElmer | 1 |

\* Danh sách chi tiết các thiết bị cần mua sắm sẽ được xác nhận sau khi có sự thống nhất giữa SNU và AGU.

1. Tỷ giá hạch toán giữa VNĐ và USD trong thu chi ngân sách tháng 7/2021 của Bộ Tài chính: 1 USD = 23,141 VNĐ. [↑](#footnote-ref-1)
2. Tỷ giá hạch toán giữa VNĐ và USD trong thu chi ngân sách tháng 7/2021 của Bộ Tài chính: 1 USD = 23,141 VNĐ. [↑](#footnote-ref-2)